

IV
PHẦN THỨ TƯ

**TRỞ LẠI VẤN ĐỀ TÌM HIỂU
THÊM VỀ VỊ TRÍ SÀI GÒN**

**Có cả thầy mấy vị trí mang tên “Sài Gòn” và tùy
thời đại xoay hướng, đổi chỗ như thế nào.**

1. *Prei Nokor*, Sài Gòn của Cổ Cao Miên, trước năm 1680.
2. *Đề Ngạn*, nơi tụ tập của người Tàu từ năm 1778.
3. *Bến Nghé*, nơi tụ tập của người Việt, từ 1790.

*

Đoạn này, theo tôi rất là quan trọng.

Tôi xin mở một dấu ngoặc, vừa để ôn lại những tài liệu đã biết rồi, vừa để nhơn đó, nhận định và tìm hiểu vị trí Sài Gòn, đã tùy thời, đổi chỗ như thế nào.

Có cả thầy ba vị trí đáng để chú ý nhứt:

1. Chỗ nào là “Cổ Sài Gòn” thành lũy mà người Cam Bốt gọi là “Prei Nokor”?

Đời xưa, trước năm 1680, người Cam Bốt vùng Thủy Chân Lạp có một thành lũy giữa rừng già, gọi “Prei Nokor”. Nhờ những cuộc đào đất tìm cổ vật trước đây, khoảng năm 1940-1944, nghiệm ra Prei Nokor có lẽ ở vùng Đồn Cây Mai (Phú Lâm) chạy dài tới vùng Chợ Quán, lối nhà cũ Hội quán Hội Đức Trí Thể Dục (S.A.M.I.P.I.C) (Société pour l'Amélioration Morale, Intellectuelle, Physique des Indigènes de Cochinchine) (nay là trụ sở cơ quan cổ vấn quân sự Mỹ quốc, đường Trần Hưng Đạo) (1) ăn luôn lên Gò Vấp và Bà Điểm.

-
- (1) Le nom de Chợ Quán, appliqué aux villages de Tân Kiểng, Nhơn Giang, Bình Yên, était celui du marché qui se trouvait sous les grands tamariniers de l'avenue de l'hôpital de Chợ Quán. Il y avait beaucoup d'auberges de la nom de Chợ (marché) quán (auberge).

Entre l'avenue de L'hôpital et la ferme des Mares était la village des fondeurs Nhơn Ngãi (aujourd'hui Nhơn Giang). On y remarque les vestiges d'un ancien village cambodgien. Une grande pagode cambodgienne avec des tours en briques, se trouvait sur une propriété. En y creusant on trouve des briques cambodgiennes, des nénuphars en terre cuite, de petits bouddhas en bronze, en pierre. Il y reste encore deux blocs de granit bien poli et ornés de sculptures en relief (a).

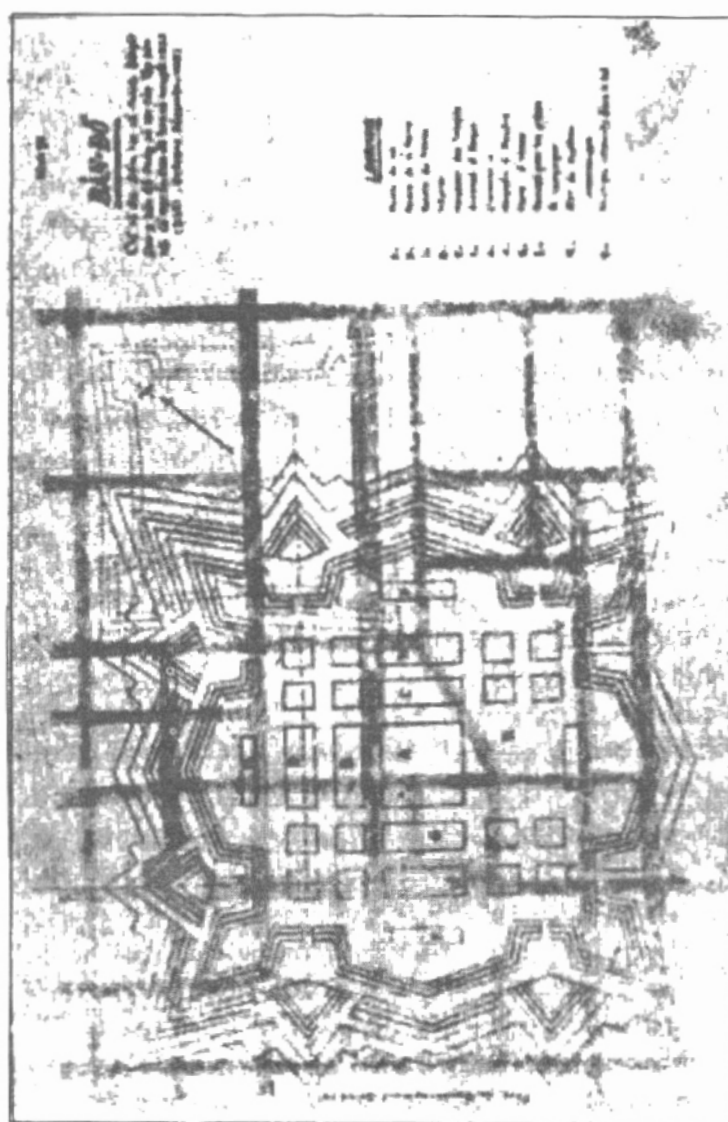
De Chợ Quán (Nhơn Giang) jusqu'à la route qui descend à Cầu Kho, ce bord était habité et parsemé de maisons entourées de jardins. (souvenirs historiques de Saigon et de ses environs par Trương Vĩnh Ký, 1885, page 28).

a) Cés pierres se trouvent actuellement au Musée National du Việt Nam (Jardin Botanique) Saigon NDLR.

Hội quán Đức Trí Thể Dục xây trên một nền chùa Thổ, nền này nay còn to hơn đường lộ rất nhiều; mấy mươi năm về trước, đào gặp tại đây đồ cổ đồng, tảng đá lớn, gạch cửa bằng đá, đặc biệt nhứt là một cây đèn đồng ten xanh rất cổ, (xem ảnh) tạc hình một hình nhân Thổ đầu đội mũ, chum quỳ, hai tay dâng một bồn để đựng dầu thắp, các vật này hiện có trưng bày nơi trung đường tại Viện Bảo tàng Quốc gia trong Vườn Bách thảo. Sách sử cổ lại cho biết người Cam Bốt có ở vùng Thị Nghè, vùng Cầu Bông (cổ danh gọi “Cầu Cao Miên”) (1). Nơi đây, đã đào gặp một món đồ đất nung đặc sắc của người Cao Miên dùng. Từ Thị Nghè, người Miên ở giáp biên tiếp đến Gò Vấp, chạy dọc thẳng lên Biên Hòa, những nơi đất gò lên cao, hoặc có giồng cát khô ráo. Kinh nghiệm cho ta biết phong tục người Khmer thích làm nhà trên chỗ cao ráo đất giồng, đã vậy còn thêm cất nhà sàn, cao cẳng; rất khác người Việt, tánh ưa tìm chỗ có sơn thủy: dòng nước, khúc quanh bóng mát, nhà nền đất, không nối cột làm cẳng cao như nhà Miên (*B.S.E.I.*, năm 1942, trang 26).

Prei Nokor, định chừng ất giữa khu đất giáp vòng có:

(1) *Cao Man Kiều*: Ở huyện Bình Dương, năm Tân Hợi quốc sơ (1731), vua nước Cao Man là Nặc Tha bị Nặc Sô đánh đuổi chạy qua Gia Định ở nương cây chỗ đất khoáng vắng nơi thượng du con sông, mà chỗ ở lại cách sông, phải làm cầu ván qua lại, nên gọi là cầu Cao Man. (*Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, bản dịch Nguyễn Tạo, trang 77).



III. Bản đồ

Đông : Gò Vấp qua Thị Nghè.

Tây : Phú Lâm.

Nam : Vàm Bến Nghé (1).

Bắc : Bà Điểm.

Lôm giữa này, đất tư mùa khô ráo, tức nhiên đúng với sở thích người Cao Miên. Những chỗ nào có người Miên ở khi xưa, nay ta có thể đoán được không sai nhờ hai việc sau này: thứ nhất, khi ta gặp một nền đất to lớn cao hơn vùng chung quanh (tỷ như vùng nhà hội Đức Trí Thử Dục cũ (đường Trần Hưng Đạo) hoặc vùng Đồn Phú Lâm Chùa Gò (Phụng Sơn Tự); thứ nhì khi ta gặp gần nền cao thêm có cây “bồ đề” cây “da” hay cây “lâm vô” (2) vì bao giờ người Thổ cũng thích trồng cây thứ ấy để nhắc tích xưa đức Phật Thích Ca đắc đạo, ngộ đạo dưới gốc cổ thụ loại này.

Theo bài Pháp văn *Souvenirs historiques* của cụ Trương Vĩnh Ký thì *chùa Cây Mai ngày xưa là ngôi chùa Chân Lạp, có ao hồ bao bọc chung quanh và dùng làm nơi đưa thuyền trải những khi lễ Phật*. Vịn theo bấy nhiêu tài

(1) Nam Bến Nghé: Miên gọi “Kompong Krebei” (kompong là vùng, bến; krabei là trâu, ghé) Việt có danh từ “Ngưu Chử” nôm na là “Bến Nghé” hay là dịch lại của người Miên chăng?

(2) Lâm vô: Tôi chỉ nghe danh từ này phổ hóa vùng Sóc Trăng, Bạc Liêu, Trà Vinh tức những xứ có người Miên ở. Theo tôi “lâm vô” do chữ “đơn pô” của người Miên mà có. Cây ficus indica, figuier, d’Inde, Banian trong từ điển Génibret chắc là “bồ đề” cây da cây “lâm vô” là phải? Người Miên họ nói thà sát hơn còn hơn “hạ lâm vô” vì sát hơn chỉ giết người còn “hạ lâm vô” là phá nơi Phật dựa.

liệu vắn tắt nhưng hết sức quan trọng này, và nghiệm cho kỹ, ta biết vùng Cây Mai quả là một yếu điểm của người Miên xưa. Muốn đưa thuyền (ghe ngo) thì nước bọc chung quanh Đồn Cây Mai chưa đủ dùng. Khúc đua phải dài trên năm ba cây số ngàn ghe ngo mới đủ sức lấy trớn thì tài. Như vậy khúc đua phải dài ra tới vùng nước Chùa Gò (Phụng Sơn Tự) hoặc xa hơn nữa thì càng đắc thế; vả lại dọc theo đường lộ Sài Gòn Mỹ Tho, tôi nhớ có một người Thổ nói với tôi đó là “Sre pren” (ruộng khô cạn nước). Theo tôi trước khi thành ruộng gò, có phải đây là di tích chỗ đua thuyền đua ghe ngo của người Chân Lạp chăng? Khảo ra đường nước chùa Cây Mai ăn thông với con rạch trước đây gọi rạch Lò Gốm, rạch này bị lấp đi một phần khi xây cất khu Chợ Lớn mới.

Cho đến ngày nay, điển “Prei Nokor” để ra Việt danh “Sài Gòn” chưa lấy làm ổn thỏa. Muốn nói “Prei Nokor” là “rừng gòn” hoặc “rừng bờ” hoặc “xứ ở giữa rừng” đều được. Điển đã “lạc Ông Bồn”, mất căn rồi, thì ai muốn nói sao cũng được. Cắt nghĩa “Sài Gòn” do “Thầy Ngổnn” của Tàu cũng thông và nghe lọt tai hơn!

2. Sài Gòn, nơi tụ tập buôn bán của người Tàu (Tai Ngòn hay là Tin Gan) tạo lập từ năm 1778 (Đế Ngạn)

“Sài Gòn” do người Tàu lập ra nay biến thành Chợ Lớn. Vị trí của cái “Chợ” này sở dĩ có là vì:



*IV. Hình đồng tay bưng thếp dầu, đào được
tại nền SAMIPIC cũ*

(Mỹ thuật)

Ngoài duyên do đã nói trước 44 (tài liệu Francis Garnier rút trong *Gia Định thông chí*), còn những duyên do sau này:

a. *Duyên do chính trị*: Khu vực người Tàu lựa may thay lại trùng ngay giữa khu vực Miên (vùng Phú Lâm) và khu vực Việt (Vàm Bến Nghé chợ Bến Thành); bất ngờ đây là vị trí “trái độn” giữa hai khu Miên-Việt. Ngày sau, đức Cao Hoàng xây thành năm 1790 cũng lựa chỗ cách xa xóm Miên cố ý để xóm Tàu ở giữa làm trung gian.

b. *Duyên do kinh tế*: Đây là duyên do quan trọng nhất. Chợ Lớn ở đầu những mối đường thủy, một xuống Lục Tỉnh, một lên Nam Vang, một mối là ngả lên Cù lao Phố (Biên Hòa) và một mối theo biển trực chỉ ra Huế. Duyên do kinh tế nới thêm duyên do địa lợi. Danh từ “Đề Ngạn” (đọc giọng Tàu là Tai Ngòn, Tin Gan). “Thầy Ngòn” rất có thể là đầu mối để ra hai chữ “Sài Gòn”.

Trước năm 1914, trên con đường Trần Hưng Đạo còn nhiều ruộng nước ao lầy. Sài Gòn và Chợ Lớn là hai khu riêng biệt, ở giữa là một cái bưng nước đọng khởi đầu từ nhà ga đại lộ Lê Lợi và đại lộ Nguyễn Huệ, đầu kia phía Chợ Lớn chót bưng là đầu đường Đồng Khánh (Thủy Bình cũ, rue de Marins) (1). Năm 1916, Pháp lấp bưng, đổ đất

(1) Đường Trần Hưng Đạo, lúc dự thảo thì định phải chạy ngay từ trước nhà “Quốc hội” (Nhà hát Thành Phố) thẳng một mạch vô Chợ Lớn, đi ngang Chợ Bến Thành, thẳng bon một đường, như vậy mới đúng luật thẩm mỹ, nhưng khi bắt tay vào việc, thì “đụng chạm phong thủy, mở mả nhiều vọng tộc”, nên đành sửa lại uốn vẹo từ Chợ Bến Thành, về mỹ quan bớt đi một vài...

bồi làm đường “Ba Mươi” (tức Galliéni cũ, nay là Trần Hưng Đạo). Năm 1928, đường Galliéni vừa trải đá xanh lên trên lớp đá đỏ và bắt đầu được tráng nhựa. Hai bên đường còn nhiều thửa ruộng hoang vu, chiều chiều trời gần mưa, tiếng dế, tiếng ảnh ương rì rít huênh hoang, khó biết đây là trung tâm đô thành hoa lệ. Nhà lụp xụp không hàng lối, mái lá mái tôn (tôle), dân lao động chen chúc, gái ăn sương đủ hạng. (Tôi học nuôi cá xiêm, đá cá và trường đời nơi đây). Đầu năm 1929 có đèn điện giăng giữa chia con đường làm hai chiều, lên xuống. Đường xe điện đặt trung tâm đại lộ, đến năm 1953 mãn hạn giao kèo khai thác mới chịu đẹp. Năm 1954, gỡ đường rầy và lấp nhựa san bằng. Phía sau đình Tân Kiểng, gần trụ sở cố vấn quân sự Mỹ đóng (SAMIPIC cũ) và chỗ nhà ga Pétrus Ký đầu đại lộ Cộng Hòa (nay là Nguyễn Văn Cừ) còn gò cao nhều nhệu: đây là nền cũ xóm Khmer, nếu đào bới ắt gặp đồ cổ tích Miên chắc hẳn.

Một di tích chót, xóm Galliéni cũ vừa mới lấp gần đây. Ấy là khúc Rạch Bà Đô đụng với đại lộ Trần Hưng Đạo và đại lộ Cộng Hòa. Chỗ này trước đây còn là một đường nước sinh lầy hôi thúi bỏ hoang. Nay lấp đi, đường sá thêm vẻ đẹp và hợp vệ sinh, nhưng tránh không khỏi động lòng hoài cổ.

*

3. Sài Gòn

Thuở “đàng cụt” vùng Sài Gòn chánh danh gọi “Bến Nghé”. Đó mới là xóm Việt Nam. Bến Nghé, tên gọi “Ngưu Chử” tên khác nữa là Tân Bình Giang; xóm Bến Nghé chạy dài từ khu Chợ Quán tới Hiến Trung Tự (Pháp dịch “temple de la Fidélité”) và chạy đến Thủy xưởng (Arsenal). Miếu Hiến Trung do đức Cao Hoàng dựng lên để thờ các công thần khai cơ dựng nghiệp, trong có bài vị mấy trăm cái, gồm có một bài vị thờ người thủy binh Pháp Matelot Manuel, miếu Hiến Trung vốn ở trong vòng thành Ô Ma (Camp des mares, có lúc là trụ sở trung ương Cảnh sát). Sau năm đảo chánh 1945, binh Pháp trở lại chiếm cứ thành Ô Ma, và dỡ bỏ miếu Hiến Trung, về sau này không còn nhìn được xưa ở chỗ nào.

Cả ba vùng: vùng Miên (Phú Lâm), vùng Tàu (Đê Ngạn), và vùng Việt (Bến Nghé) nối liền nhau nhờ rạch, kênh, sông, ngòi, nhiều hơn bằng đường lộ đất. Nay dân cư ngày một thêm đông, nhà cửa ngày một thêm nhiều, các đường thủy đạo bị lấp lẩn hồi, không dễ gì truy tầm ra manh mối. Cách nay một trăm năm xe cộ rất ít, đường sá không nhiều như bây giờ. Muốn xê dịch chỗ này qua chỗ nọ, đường xa dùng võng, cáng sang nữa thì chạy ngựa thêm mau lẹ, nhưng vẫn tốn kém khổ cực (ngựa phải đúng giờ cho ăn cho nghỉ dưỡng sức) đã phiền phức lại nhiều bất tiện. Đường gần, gọn nhứt và rẻ tiền là đi thuyền, ghe lồng, ghe giàn, tam bản bốn chèo hoặc hai chèo, bình dân hơn nữa là chiếc xuồng ba lá (chỉ ba tấm ván ghép lại).

Khắp Sài Gòn (Bến Nghé) và Đê Ngạn (Chợ Lớn),

lối năm 1860, có rất nhiều con kinh đào tay, tuy bản thủ nhưng thuở đó rất cần ích. Về sau, lần lần các kinh bị lấp mất dạng hình, nhường chỗ cho Sài Gòn tân thời, xứng danh hòn “Bửu ngọc Viễn Đông” (La Perle de l'Extrême Orient).

Trong thành nội, xin kể đại lược những cơ quan sau này:

- a. *Hành chánh:* Dinh Ông Thượng, vùng cao ráo
Trường Thi
Trường tiền (chỗ đúc tiền).
Hoàng cung
Pháp trường
- b. *Quân sự:* Cơ xưởng, vùng phụ cận
Thủy trại (arsenal)
Trường Diêm (có phải kho đạn là dinh Tân Xá cũ chăng?)
Cơ dinh
Mô súng (Đồng Tập Trận)
Khu lương thực (Cầu Kho)

c. *Phố xá:* nhà cửa dân cư ở vùng thấp có các rạch con nối liền nhau.

d. *Phía xa vô lẫn trong Chợ Lớn:* Phố Hoa Kiều (trong bản đồ Pháp đề: *Bazar chinois*) có phải Đề Ngạn đāv

chăng?

Theo cuốn *Annuaire de la Cochinchine* in năm 1865, hồi Tây mới qua, vùng Sài Gòn đếm được bốn chục làng ở dài theo sông Bến Nghé và chung quanh Quy Thành (1).

Trong bài khảo cứu của cụ Trương Vĩnh Ký *Souvenirs historiques*, cụ thể đại lược chung quanh Sài Gòn xưa có những làng như Hoa Mỹ, Tân Khai, Long Điền, Trường Hòa, Mỹ Hội, Nam Chơn, Long Hưng, Cầu Kho, Chợ Quán, Tân Kiểng, An Bình, Hòa Nghĩa, (Trường Thi) v.v...

Nay ta thử dạo một vòng thành phố Sài Gòn xưa, lối sinh thời cụ Trương Vĩnh Ký, và bắt đầu từ Cơ xưởng thủy quân kể lần hồi vô trong Chợ Lớn, thì:

Từ mé Rạch Thị Nghè (Avlanche) tên chữ Bình Trị Giang kể lần vô kinh Bến Nghé (Arroyo chinois), tên chữ Ngưu Chữ hay Tân Bình Giang, có cả thấy bốn ấp:

- 1)- Xóm Hòa Mỹ, tức là xóm Thủy trại (Arsenal).
- 2)- Xóm Tân Khai.
- 3)- Xóm Long Điền.
- 4)- Xóm Trường Hòa, giáp với đường Công Lý (hiện nay là Nam Kỳ Khởi Nghĩa).

Thành phố Sài Gòn thuộc vùng đất thôn Mỹ Hội, bắt từ mé kinh cây Cầm chạy đặng ranh làng Tân Khai.

(1) Bouchot: La naissance et premières années de Saigon ville française. (B.S.E.I. 1922 No 2 page 73 và B.S.E.I., Octobre 1935, page 84).

Tân Khai, tục danh là Chợ Sỏi, hoặc Vàm Bến Nghé, ranh đất ăn giáp đường Trường Tiền (đường mé sông lối Cầu Mống). Hối đàng cụt, đường mé sông nhà cửa đông đúc lớp trên bờ, lớp dưới mé nước, chạy dài chen chúc khít nhau.

Khúc sông Bến Nghé ngay lối rạch Ông Bé sắp vô trong Chợ Lớn, có xóm tên gọi “Lò vôi”.

Đời xưa, ông xã trưởng làng Mỹ Hội, nhờ trong vùng đất có xây thành trì, cũng như ngày nay chức đô trưởng, nên oai vệ không xã trưởng nào bì kịp. Xã trưởng Mỹ Hội, chức tuy nhỏ, nhưng đặc cách ngang hàng Cai tổng đương thời ấy, và được đặc ân đội mào trái bí (*Souvenirs historiques*).

Mỗi khi làng Mỹ Hội chạy sớ xin xây cất đình chùa hoặc làm lại hay tu bổ nhà công sở, khi sớ tâu đến kinh, bện về đức vua phái một khâm sai đại thần mang vào năm quan tiền kẽm và vài món tặng phẩm khác đựng trên một mâm sơn son thếp vàng “vật khinh hình trọng” “ơn vua lộc nước”, bấy nhiêu đó đủ phình mũi dân đen!

Đông đảo thay phường Mỹ Hội,

Sum nghiêm bấy làng Tân Khai.

Ngói liền đuôi lân, phố thương khách tòa ngang

tòa dọc.

Hiên sè cánh én, nhà quan dân hàng vắn hàng dài

Gái nha nhuốc tay vòng tay niềng,

Trai xênh xang chơn hơn chơn hài...

(*Cổ Gia Định vịnh*, tương truyền do ông Ngô Nhơn Tịnh soạn, bản in Trương Vĩnh Ký, 1882, trang 5).

Xóm Hàng Đỉnh (bán đỉnh) ở lối vườn chơi trên con đường Tự Do (nay là Đồng Khởi), đường này đã có từ thuở cựu trào, nhưng nhỏ bé và què mùa lăm. Từ mé sông đến dinh Thượng thư (Direction de l'Intérieur, nay là Bộ Kinh tế) có mấy chòm cây cau suôn đuột chen chúc gần xóm nhà lá lụp sụp; lối năm 1860, gần đường Nguyễn Văn Thỉnh (d'Ormay cũ) người ta còn thấy một ngôi chùa cổ, mái uốn cong quớt như cặp sừng, cạnh bên có một quán rượu tây của bọn lính Pháp, ban ngày che màn trắng phếu (xem hình VI).

Trước Tòa Đô chánh hiện nay thì thuở ấy có con kinh nhỏ, trên có xây một cái cống, gọi “Cống Cầu Dầu” vì tại xóm chuyên môn bán dầu phộng để ăn và để thắp đèn. Con kinh này, Tây đến thì lấp đi, thay vào con đường Charner cũ, hồi đó cũng gọi là “Đường Kinh Lấp”.

Ngã tư Kinh Lấp đụng với con kinh về sau biến thành Đại lộ Bonard (nay là Lê Lợi) hồi mồ ma thời Pháp, vẫn là xóm sang trọng nhứt. Tại chỗ bồn nước ngay ngã tư này, hồi đó có xây một cái bệ cao hình bát giác, vào khoảng năm 1920 tôi lên học Sài Gòn còn thấy tận mắt. Mỗi chiều thứ bảy, tại bệ này có mấy chú lính san đá trôi nhạc Tây cho đồng bào ta thưởng thức. Ngày nay, nhạc Pháp, nhạc Mỹ nghe nhàm tai, các rạp chớp bóng, máy hát và máy radiô “dọn ăn” đến chán bứ ê chề, chớ thuở ấy, làm gì mà được nghe nhạc ngoại quốc cho đã con ráy. Họa chăng tụi nào dám lết lại gần nhà hàng “Continen-



Phật đồng Cổ Cao Miên đào tại nền SAMIPIC cũ

tal” dành cho “khách Tây” ăn (đường Tự Do) (Đồng Khởi), nhà hàng Pancrazi trên đường Bonard, và chỗ ngã tư Bồn Kèn này, mới được thưởng thức.

Tương truyền ông Huỳnh Mẫn Đạt đã gặp ông Tôn Thọ Tường và hai đảng đối đáp nhau bằng hai bài thơ bát hủ (1) cũng tại chỗ này tục danh là “Bồn Kèn”.

“Bồn Kèn” cũng còn là một danh từ để gọi bọn du côn ở xóm này, phần nhiều là tay dọn bàn, nấu ăn cho các quan Lang sa, thường hay cạy thế thần của chủ, hống hách hung hăng, tự xưng là “Anh chị Bồn Kèn” và hay gây ăn thua đánh lộn hoặc đâm chém với du côn xóm khác như xóm Dọn Bàn (Paul Bert cũ), xóm Khánh Hội (Anh chị Bến Tàu), hoặc du côn: Mặt Má Hồng (đường

- (1) Ông Huỳnh Mẫn Đạt, là người Gạch Giá, thi đỗ cử nhân, làm quan trào Tự Đức, chức đến tuần phủ thì xin hưu trí, vì không khứng ở lại giúp Pháp. Một buổi chiều kia, ông lên Sài Gòn chơi, ông đội nón ngựa (thứ nón như nón lá nhưng kết bằng lông chim, dùng khi cưỡi ngựa). Ông đứng coi lính Lang sa thối kèn, xảy gặp ông Tôn Thọ Tường ngồi xe song mã chạy trờ tới, ông lật đặt núp gốc cây không cho ông Tường thấy, nhưng ông Tường lanh mắt đã nhảy xuống xe mừng rỡ. Hai người ứng khẩu như vầy:

Huỳnh Mẫn Đạt xướng:

Cừu mã năm ba đáo cặp kè,

Duyên sao (1), giải cấu khéo dè ne.

Đã cam bít mặt cùng trời đất,

Đầu dằm nghiêng mảy với ngựa xe.

Hơn hò trè dung đường dậm liễu,

Lơ thơ già núp cội cây hòe.

Sự đời thấy vậy thời hay vậy.

Thà ẩn non cao chẳng biết nghe.

Mac Mahon) hay “Lăng Xi Bê” (đường Blanscubé). Thuở ấy đám anh chị chưa có “Chó lửa” (súng lục, súng sáu) như bây giờ. Họ nói chuyện với nhau chỉ bằng tay sắt, củ chì, roi gân bò, hoặc dao tu, miễn là đủ ăn theo trên mặt là cùng... nhưng họ có thói ưa xăm mình và tặng bốc nhau bằng danh từ “đại ca” như trong truyện Thủy Hử, hay trong các truyện Tàu khác. Có người xăm tích “Võ Tòng dả hổ”, người xăm câu thơ răn đời: “Hoạn nạn bất ly chơn quân tử, Lâm nguy bất cứu mạc yêng hùng”. Có kẻ xăm bùa chú, bùa “gông”, người xăm hình ý trung nhơn, hoặc con “đâm” lửa thề, thậm chí có người vào khám đền tội hung hăng, khi ra đem về kỷ niệm một vài câu chữ Pháp, như:

La richesse attire les amis xăm trên vé hữu.

La pauvreté les éloigne xăm trên vé tả (định chừng anh này đã bị một vố bạn bè phũ phàng chi đây).

(1) Tôn Thọ Tường biết ý, ngâm trả lại một bài thi như sau:

*Tình cờ xảy gặp (2) bạn tiền liêu,
Thơ phú ngâm nga hùng gió chiều,
Thế cuộc đời càng lăm lăm,
Thiên cơ mầu nhiệm hầy nhiều nhiều,
Nước non đường ấy tình đường ấy,
Xe ngựa bao nhiêu bụi bấy nhiêu.
Hăm hồ nhạc tây hơi thổi mạnh,
Nghe qua ngùi nhớ giọng tiêu tiêu.*

(Tài liệu theo *Điều Cổ hạ kim* Nguyễn Liên Phong soạn, bản năm 1925, trang 40-41)

(1) Duyên đầu...

(2) Tình cờ gặp gỡ

(bản *Khuông Việt* Tôn Thọ Tường, 1942. Ngày Nay, Hà Nội)

Có một anh, tôi được gặp, xăm khắp thân thể không
chừa một da non: hai bắp tay, những câu chữ Nho:

Tiền đồng tịch kim bằng cộng lạc

Hậu lâm nguy bất kiến đệ huynh.

Giữa ngực xăm một con rồng doanh... đặc biệt nhứt
là sau lưng, trên đề: *République française* dưới thêm câu:
Vive la france và mấy con số “1914-1918”, hỏi ra anh là
một lính “chào mào” từng dự trận châu Âu đại chiến.

Danh từ “du côn” có lẽ do tích bọn này, nguyên là
bọn du thủ du thực, tay thường cầm một “đoản côn” (côn
vấn) bằng sắt, đồng hay gỗ trắc, để hộ thân, về sau, vì có
lệnh cò bót cho bắt những kẻ tay cầm gậy hèo, nên họ đổi
lại, để dễ chạy án, cầm một ống tiêu cũng bằng đồng, để
khi hữu sự thì dùng làm binh khí hoặc khi nào cao hứng
chè chén no say thì mượn đó thổi hơi phù trầm, kể *thơ Sáu
Trọng, thơ Thầy Thông Chánh bắn Biện lý Tây ở Trà
Vinh*, hoặc *thơ Câu Hai Miêng* con của Lãnh binh Tấn.

Về danh từ “Bồn Kèn”, thuở nhỏ tôi có được nghe
đám con nít chợ Sóc Trăng hát như sau:

Ác-táp lách Sô-cu-la Canh-ti-na Bồn Kèn, hoặc thông
thường nhứt và vốn vẹn nhứt là hai chữ sau “Bồn Kèn”
hay “Bồ Kề” để chế nhạo lẫn nhau.

Xét ra người Triều Châu có một danh từ “Bồ Ồn” (bất
an) để nói với nhau khi gặp một việc gì không may? Hai
tiếng này nghe tựa tựa như hai tiếng “Bồ Kề”. Câu trên
đây có thể gọi “đồng diêu” được chăng? Một điều tôi biết
chắc là nó có trước năm Âu chiến 1914-1918. Lúc nhỏ tôi

cũng bắt chước anh em la hát theo như vậy nhưng kỳ thật không hiểu đó là nghĩa gì. Về sau khi lên học trường Sài Gòn, tôi được ném mùi tấm *tablette de chocolat* bán tại góc đường Catinat và Bonard gần “Bồn Kèn” tôi mới thấy rõ có lẽ câu này thuở ấy là do một món quà sang trọng hiếm có được đem về xứ quê, chợ Sóc Trăng yêu mến của tôi, nhưng bởi phát âm không rành nên nghe trại bẹ như vậy chăng? (1)

“Bồ Kề” dưới xứ Sóc Trăng của tôi, thường được dùng đồng nghĩa với danh từ “lêu lêu mất cỡ”. Tiện đây tôi xin chất vấn các bạn đồng hương Sóc Trăng, các bạn nào rành về hai điển tích này, xin vui lòng chỉ giáo (2).

Tôi cũng còn nhớ gần năm mươi năm về trước, tại châu thành Sóc Trăng có một ông già người Huê kiều đầu gióc tóc “bím”, ông người cao lớn giềnh giàng, bình nhựt hiền như Phật, nhưng khi có một đứa trẻ con nào dám nói trước mặt bốn tiếng vô nghĩa lý: “Bổ cu ông già”, thì ông giận dữ, đỏ mặt tía tai, chạy theo lấy ống điếu tre bỏ “tươi hột sen” trên đầu, vừa khỏ vừa chửi: “L... má mầy! Thằng Xích cam xa”. Ấy đó: “Bổ cu ông già” là “beaucoup ông già”.

(1) *Ác-táp lách Sô-cu-la Canh-ti-na Bồn Kèn* phải chăng là “la *tablette de Chocolat*..... *catinat*..... Bồn Kèn.

(2) Câu hỏi của tôi đã có trả lời. Tháng 8 năm 1962, tôi gặp lại bạn cũ ở Sóc Trăng là anh Từ Ngươn Đông, anh đọc tới đây, nay gặp tôi mách rằng câu: *Canh-ti-na Bồ Kề* do diễn *Candidat bồ-ên* là tích anh Long em của Quách Xên, đi thi sơ học năm 1928 rớt nên đó là “sĩ tử bất an” (bồ ên, tiếng Triều Châu là *không tốt*).

“Xích cam xa” chỉ là “c'est comme ça.”

Những danh từ vô tội mà đã khiến nhiều bạn đã bị ông già này rượt nhiều lần như tôi, ai đó xin lên tiếng, chúng ta sẽ hội hiệp ăn mừng và “bổ kê” một bữa!

*

a. Dinh thự, công sở... Kim rạch. Từ Cột Cờ thủ Ngự...

Dài theo bờ sông Bến Nghé, nhà phố dân cư đều cất bằng gỗ tạp, tre nứa và lợp bằng lá “cần đóp” (lá lợp nhà chằm theo kiểu Cao Miên) hoặc lợp bằng tranh. Nhà thì làm theo kiểu nhà sàn, nửa phần ở trên đất liền day mặt ra lộ, nửa phần gie ra mặt nước, tắm rửa giặt giã, rất tiện, thêm được cái vừa rẻ tiền vừa hạp vệ sinh.

Cuối đường Tự Do, tại bến đò qua chợ Thủ Thiêm thì có “Thủy các” và “Lương tạ”, là nhà tắm của vua, cất trên bè tre. Chỗ này, đời xưa cũng gọi là “Bến ngự” (1) và (2). Gần bên nhau có con đò chèo tay đưa rước bộ hành qua lại Thủ Thiêm. Nay bến vẫn còn, duy cô lái đò ngây thơ đẹp đẽ đã thay bằng một động cơ ráp trên một chiếc phà chậm

(1) *Bến Ngự*: Người Miên xưa gọi vùng này là “kongpongluong” tức “bến vua” Sách sử Việt đã âm danh từ này ra “lâm phong long” trong tấu sớ. Về sau, đặt “Huyện Tân Long” đất Sài Gòn, theo tôi ắt cũng để khêu gợi ít nhiều danh từ Miên “Kompongluong” vậy. V.H.S.

(2) Theo bà Hilda Arnold lại có một hành cung ở chỗ Sở Thương chánh hiện nay, vào đời Chúa Nguyễn. Năm 1865, Pháp lập nơi đó nhà chi nhánh Bưu điện khúc đầu đường *de la Somme*, lối năm 1947-1948, tôi còn đến đây lãnh bưu kiện.

(Còn nhà Bưu điện chánh, xưa xây từ năm 1886 đến năm 1891 mới hoàn thành).

chạp, xục xịch tối ngày trên dòng sông bạc. Cô lái đò mỹ miều đã đi đầu thai qua nhiều kiếp khác, có còn chăng là câu hát truyền tụng đời đời:

Bấp non mà nường lửa lò,

Đố ai ve được con đò Thủ Thiêm!

Xưởng đóng tàu chiến cũng ở Thủ Thiêm, đối diện với cơ xưởng Thủy quân (Arsenal) ngày nay. Bởi thường có thuyền chiến đậu tại đây, nên xóm này cũng gọi là “Xóm Thủy trại” nhưng bởi dân ta quen nói tắt nên ưa gọi “Xóm Thủy” lâu ngày cũng quen tai. Xóm này cũng gọi là “Xóm Tàu Ô” vì đây là trụ sở của bọn Tàu thường trưng buồm đen. Chũ là “Tuần hải đô dinh” nghe oai vệ nhưng toán quân này, tiếng là quy thuận chúa Nguyễn, có phận sự tuần tiễu ngoài biển cả sông ngòi và tu tạo chiến thuyền nhà vua, nhưng tánh cũ khó chữa, rõ là quân cướp biển gặp dịp sơ hở là ra tay, bất luận đối với quân Tây Sơn hay phe Nguyễn chúa. Dân gian đều gớm mặt, đêm đêm trẻ nhỏ nghe gọi hai tiếng “Tàu Ô” là nín khóc. (tại hãng Denis Frères đầu đường Tự Do, khi bước vô cửa lớn, lên từng nấc thang, khách sẽ thấy gắn trên tường vài cây súng đồng cỡ nhỏ nạp đạn dàng miệng và châm ngòi hỏa mai phía sau đuôi, súng đồng này tiếng nổ dữ hơn tai hại gây ra, nhưng thuở ấy nghe đủ bay hồn, đủ làm bọn Tàu Ô kiêng oai lánh mặt). Ngang Thủ Thiêm, bên này bờ sông là cơ xưởng thủy quân, trước kia quen gọi với danh từ ngoại lai *Ba Son*. Nguồn gốc hai chữ *Ba Son* cũng ở trong vòng định chừng. Một thuyết cho rằng *Ba Son* do

danh từ Pháp “Mare aux poisons” gọi tắt lại: đành rằng thuở trước kia, giữa Arsenal (1) có một con kinh đào tay, nhỏ nhưng rất nhiều cá tôm, thuở ấy người Pháp thích câu cá tại đây, về sau xẻo nhỏ lấp đi nhưng danh vẫn còn, cho nên sự Việt Nam hóa tiếng Pháp “mare aux poissons” ra tiếng Việt “Ba Son” có phần đứng vững. Theo thuyết khác lại đổ thừa hồi xưa (Đời Bà cổ Hỷ nào đó) đã có một anh thợ nguội tên “Son” thứ ba, vô làm sở này, rồi lấy đó đặt tên cho sở nọ, thuyết này vô căn cứ, theo tôi, phần chắc chắn là do mấy bác túng đề cất nghĩa gượng và xin chừa cho cô hồn phóng sự giải quyết.

Thuyết thứ ba thì cho rằng “Ba Son” do danh từ Pháp “Bassin de radoub” mà có. “Bassin”: “Ba Son”, theo tôi cũng có phần đứng vững như thuyết thứ nhất “mare aux poissons”. Theo quyển *Promenades dans Saigon*, tác giả, bà Hilda Arnold ghi, rằng buổi đầu người Pháp đã xuất ra trên bảy triệu quan thời ấy để lấp đất và xây cái ụ tàu “bassin de radoub” này, để có thể sửa chữa các thứ tàu chiến tàu buôn tại đây khỏi đem về tận Pháp quốc. Thời ấy, cuộc chuyển vận đều do đường thủy, nên cái “bassin de radoub” giúp họ nắm vận mạng xứ này trong tay (2).

Về danh từ “Dinh Thượng thư” gọi thay danh từ “dinh Đồng lý Nội vụ (Direction de l’Intérieur) truy ra dinh này

(1) Arsenal có từ năm 1864. Nhà của viên giám đốc sở Ba Son, góc đường Cường Để - Nguyễn Du. Dinh này xây từ năm 1877.

(2) Một thuyết khác, theo ông Trần Văn Hương, giáo sư cựu Đô trưởng, thì *Réputation* biến thành *Ba Son* cũng như danh từ *Bồ Rô* do chữ *pelouse* mà ra. Tôi xin chép luôn ra đây, mặc các bạn lựa chọn.

cất xong năm 1864, tôi đã có nói rồi nơi đoạn trước. Từ năm 1946, trở nên “Dinh Thủ hiến Nam Việt” rồi “Tòa Đại biểu Nam Phần”, sau rốt là “Bộ Kinh tế Việt Nam Cộng Hòa”.

“Dinh Thống đốc Nam Kỳ” buổi trước quen gọi là “Dinh Phó Soái” (1) vì chức Thống đốc hồi Tây mới qua vẫn nằm trong tay võ quan chức phong “Lieutenant-Gouverneur”. Đến năm 1878 mới có nghị định bãi chức “Phó Soái võ” và giao quyền cai trị cho Thống đốc (văn quan). Thống đốc đầu tiên tên Le Myre de Vilers. Nay Le Myre de Vilers đã chết ba mươi đời vương, duy còn lại một đầu xe lửa trước chạy đường Sài Gòn - Mỹ Tho, mà mới đây đã giải bản cho về chở củi! Mỗi lần chạy, đầu xe lửa Le Myre de Vilers vừa ho vừa khạc ra khói vừa thét ra lửa, mà có khi không đủ trớn lên dốc cầu Tân An và cầu Bến Lức, trèo lên tuột xuống, lên dốc không nổi... trời kệ, xe cặp bến cũng còi cũng “xả hơi” ồn ào oai vệ khiếp!

Năm 1864 người Pháp lập Vườn Bách thảo. Giám đốc ông Pierre là một nhà thực vật học kỳ tài. Ông sanh năm 1833, mất năm 1905, giám đốc Vườn Bách thảo từ năm 1865 - 1877.

(1) Dinh Gia Long hiện nay. Trước lấy kiểu theo viện triển lãm hội họa thành Munich (pinocothèque de Munich) vì định xây xong sẽ lấy đó làm viện trưng bày những kinh tế phẩm trong xứ (musée économique). Nhưng khi xây cất rồi thì viên thống đốc choán ở, cho đến nay viện bảo tàng kinh tế phẩm chưa có chỗ xứng đáng để dọn. Dinh Gia Long xây từ năm 1885 đến năm 1890 mới hoàn thành. Lối năm 1941-1942, viên Thống đốc Hoeffel phá bỏ mặt tiền dinh này và mặt tiền Nhà hát Đờ thành thay bộ diện theo kiểu mới như ta thấy ngày nay.

Năm 1865, kiểm tra dân số Pháp kiều tại Sài Gòn, đếm được vốn vẹn năm trăm bảy mươi bảy trụ (577) trong số có tám mươi thuộc phái đẹp. Vì thế cho nên mỗi lần gánh hát Lang sa qua diễn, vừa hay tin thì các tay có máu mặt lật đật xin giấy phép đua nhau đắp tàu sang tận Xanh ca bờ để lựa mỹ nhân và kén chọn ý trung nơn. Còn lại những bọn kém xu không làm như vậy được hoặc vì phải làm việc trong thâm sơn cùng cốc như Tây đoan, Tây kiểm lâm thì đành lòng tạm gá duyên cùng “chị hai”, “chị ba”, “thị mệ”, mà mới cũ gì cũng đều khép dưới danh từ thơm tho “con gái”!

Quên nói rằng từ năm 1863 đã có gánh hát Tây qua diễn tại Sài Gòn đây rồi, để giải sầu cho khách viễn chinh. Ban sơ họ hát tại nhà cây của Thủy sư Đề đốc tại nơi gọi “Công trường Đồng hồ” (Place de l’Horloge) góc Tự Do và Nguyễn Du ngày nay và lúc ấy thì nhà thờ lớn chưa có. Kế đó nhà hát Tây được dời về xây tạm ở nhà chóc trời Caravelle hiện nay. Còn rạp lớn, nay lấy làm trụ sở Quốc Hội, thì bắt đầu xây dựng lối năm 1898, đến ngày 1 tháng Giêng năm 1900 ăn lễ lạc thành lớn lắm. Giữa hai trận giặc năm 1914-1918 và năm 1939, việc đem gánh hát từ Pháp sang đây diễn có trợ cấp khổng lồ của Đô thành, bị nhiều người phản đối và có ý muốn đổi nhà hát làm nhà hòa nhạc (Salle De concert). Về sau nhà hát Tây càng mất khách ủng hộ vì các tay ăn chơi đều bị các hộp đêm, các quán cơm có nhạc và có khiêu vũ giúp vui thu hút hầu hết, còn một mớ khác thì lại thích ciné, chớp bóng nói, vừa lạ vừa hấp dẫn hơn.

Tháng tư năm 1888, có vua Cao Miên, đức Hoàng

Lân (Norodon) ngự du Sài Gòn. Chánh phủ Pháp thiết lễ tiếp nghinh trọng thể. Ngài ngự y phục đại lễ Pháp, áo nỉ kết nút kim cương, nón dưa gang (chapeau melon) có gắn hột xoàn thật lớn, nhưng ngài vẫn giữ chân tơ chân mang giấy da láng kiểu escarpin có gắn hột xoàn.

Hai Pháp kiều Vandelet và Faraut đấu giá mua “hoa chi” cho cờ bạc hốt me công khai trên Nam Vang từ năm 1885 đến năm 1889, vì nhứt trình la quá mới thôi. Bởi muốn không tốn tiền phụ cấp bạc mặt mà Chánh phủ Pháp nhắm mắt cho làm như vậy, để vua Miên lấy tiền xâu... Một phụ cấp lạ lùng khác trên Nam Vang là mỗi tháng “Nhà nước” phát cho vua và các hoàng thân quý tộc một số á phiện của nhà Đoan, không hút thì bán ra mà xài, hai mối tệ ấy ảnh hưởng rất nhiều đến cách ăn thói ở xứ Sài Gòn thời đó.

*

Sông Thị Nghè giáp với rạch Bến Nghé, chỗ giáp nước là một cái thoi loi gie ra ngoài sông, phong cảnh rất đẹp, gió mát từ Ô Cấp thổi vào tư mùa. Người Pháp dựng tại đây một cột cờ tên gọi “cờ Thủ Ngũ” (mât des signaux). Sau đây vì có quán rượu trứ danh chiêu mộ anh hùng mặc khách rất đông, nên bợm rượu đặt tên rất khôi hài là “Mũi đất bợm tán dóc” (Pointe des Blagueurs) (Truy ra dưới thời Nam triều, chỗ này gọi là “trạm Gia Tân”):

Gia Tân nền tạm thuở xưa,

Ngày nay có dựng cột cờ gần bên.

(*Kim Gia Định phong cảnh vịnh*, bản in Trương Vĩnh Ký, tr.7).

Trên chót ngọn cờ thường thấy treo ám ngữ, ban ngày là cờ vải, cờ màu, hoặc một quả bóng sơn đen, ban đêm thì treo một ánh đèn, khi trắng khi đỏ, tức là ám hiệu báo tin cho tàu bè biết hiệu lệnh tránh lối rạn hiểm nguy, ghe thuyền qua lại, trong lúc vô ra sông Sài Gòn.

Nghĩ cho hồi đời xưa, lúc chưa có xe ô tô lộng lẫy thì đi đó đi đây toàn là “cuốc bộ”, sang lắm mới được xe kiếng, xe song mã v.v... Bởi các cơ ấy nên khúc đường từ “Dinh Thượng thơ” đổ qua “Dinh Phó Soái” rồi ăn xuống tới “Cột cờ Thủ Ngữ” đã kể cho là xa mút tí tề. Ngày nay còn lại câu hát và tích sau đây:

Tiền nhựt, lối sáu bảy chục năm về trước, có một cặp vợ chồng chấp nối, vợ là tay “dọn bàn” tứ chiếng làm cho Tây, chồng là tụi “nấu ăn” “ba rọi” của Pháp-hai người đụng nhau chung lưng làm nghề bán đồ lâm vớ (do Pháp ngữ “rabiot” tức đồ dư) (xưa Thống chế Joffre ưa dùng danh từ này nhứt). Ngày ngày đôi vợ chồng thay phiên nhau gánh gồng và đêm đêm mặc dầu mưa gió, anh và chị cũng phải quảy trên vai gánh “đồ Tây” bán như vậy từ đầu đường Tự Do ngang Dinh Thượng thơ (Catinat) cho đến tận mé sông chỗ cột cờ Thủ Ngữ (Pointe des Blanguers) đợi khi nào nôi, soong sạch bách thức ăn mới để hể cùng nhau gánh gánh không về nghỉ. Dè đâu, cuộc làm ăn vừa khá thì anh chồng biến chứng sanh sửa chuyện nọ kia, mèo mớ bê tha, bỏ gánh lại một mình chị vợ đảm đương, cui cút. Tức quá, chị nghĩ ra câu hát như vậy để tỏ tình:

Thượng thơ, phó Soái (1) Thủ Ngũ treo cờ, (hò, hơ)

*Bu-don (bouillon), ồm lét (omelette), bí tết (beef-steak)
xạc xây ờ (Sacré!)*

Mũi ni (menu) đánh đạo, bây giờ mấy bỏ tao ơ! (hớ hơ)

Thân làm một mục già trâu, một chị bếp dốt nát, ngờ đâu khi tâm hồn bị kích thích quá độ, lại sản xuất mấy câu bất hủ làm vậy, vừa lâm ly thống thiết, vừa tế nhị, bình dân. Đố ai sửa chữa hoặc thêm bớt được chữ nào? Ban đầu chị kể đường dài thậm thụt từ trước dinh Thượng thơ trải qua dinh Phó Soái, đoạn đến bờ sông.. kể các thức ăn gồm hàm bà làng xạc xây (sacré và hồ lớn): nào nước xúp bù don, nào hột gà chiên ồm lét, nào thịt bí tết, v.v... và v.v... Vừa kể chị vừa nhắc ngày thường chồng vợ nhỏ to thủ thi luận câu đạo đức, té ra mấy câu “đánh đạo khuyên đời” nay mới rõ dấu chép ra ắt không đầy tờ giấy lộn rao món ăn (menu): khổ ơ là khổ! Nào khi cực nhọc thức khuya dậy sớm có nhau, bây giờ mới vừa kha khá, ông chồng tôi đành coi nhẹ tình tằm mẩn với tôi, trời ơ là trời...

Buổi sơ khởi, hồi Tây mới qua, đời Đề đốc Thủy sư Jauréuiberry, người Pháp họ xây cất được một nhà tạm làm dinh quan Đề đốc, một đường để trị bệnh các binh lính, một Thánh đường (1860) để lo về phần hồn, thêm một ấn quán đề in thông cáo và một số ít sách vở

(1) Câu trên có khi nghe hát: “Thượng thơ bán giấy” (tức bán giấy tín chỉ dân mua đặt lập tờ ly hôn) Thủ ngũ treo cờ (treo ám hiệu). Mũi ni đánh đạo v.v... Theo tôi, câu này không thiết thực bằng câu trên V.H.S.

cần thiết của Chánh phủ. Bao nhiêu cơ sở ấy đều dựng lên trong vùng gần nhà thương Đồn Đất. Đến lượt Đề đốc Bonard qua thay thế cho Jauréguiberry, khi tàu ghé Tân Gia Ba, Bonard đặt thợ làm và chở qua Sài Gòn một sườn nhà toàn bằng gỗ, về đây dựng lại nền trường Taberd bây giờ. (Bông đồ tòa nhà này còn giữ kỹ tại Viện Bảo tàng Sài Gòn). Trước dinh có xây một tòa nhà lầu cũng toàn bằng gỗ, trên đỉnh lầu có gắn một mặt đồng hồ rất lớn để báo giờ: như đó đặt tên là “Tour de l’Horloge”, nghe được đến (1). Vị trí cái lầu có đồng hồ này ở vùng gần nhà thờ lớn và đường Gia Long nay là Lý Tự Trọng. Chỗ Thư viện Quốc gia bây giờ thì có Sở Ngân khố và nhà Bưu điện. Còn một trại binh sĩ nữa, thì ở tạm nơi gọi là thí trường, tức Trường Thi hồi đảng cựu (Camp des lettrés) (2) nơi đây nay còn di tích mấy gốc điệp tây to lớn, do người Lang sa trồng để che nắng cho nhóm đánh quần lãn “cổ loa” (bloules gauloises). Cạnh bên là đường Blancsubé và các anh chị này thường vỗ ngực xưng “anh hùng Lăng-Xi-Bê”.

Ngang Thủ Thiêm, gần Xóm Thủy trại, có một cầu

- (1) Ông Nguyễn Liên Phong, một thi sĩ thời ấy, đã ghi lại mấy câu như sau:

Có chỗ ghi giờ nhứt trung

Trên tàu Ông Thượng đặt vòng địa la:

Còn năm ba phút vậy mà,

Đem đồ hiệu lệnh kéo qua cột cờ,

Đợi đến đúng mười hai giờ.

Đó kia rớt xuống súng hò giật giây,

Nổ lên một tiếng vang đầy

Châu thành bốn phía sum vầy giấc trưa...

(*Nam Kỳ phong tục như vật diễn ca*, Nguyễn Liên Phong, in nhà Phát Toán, 1909).

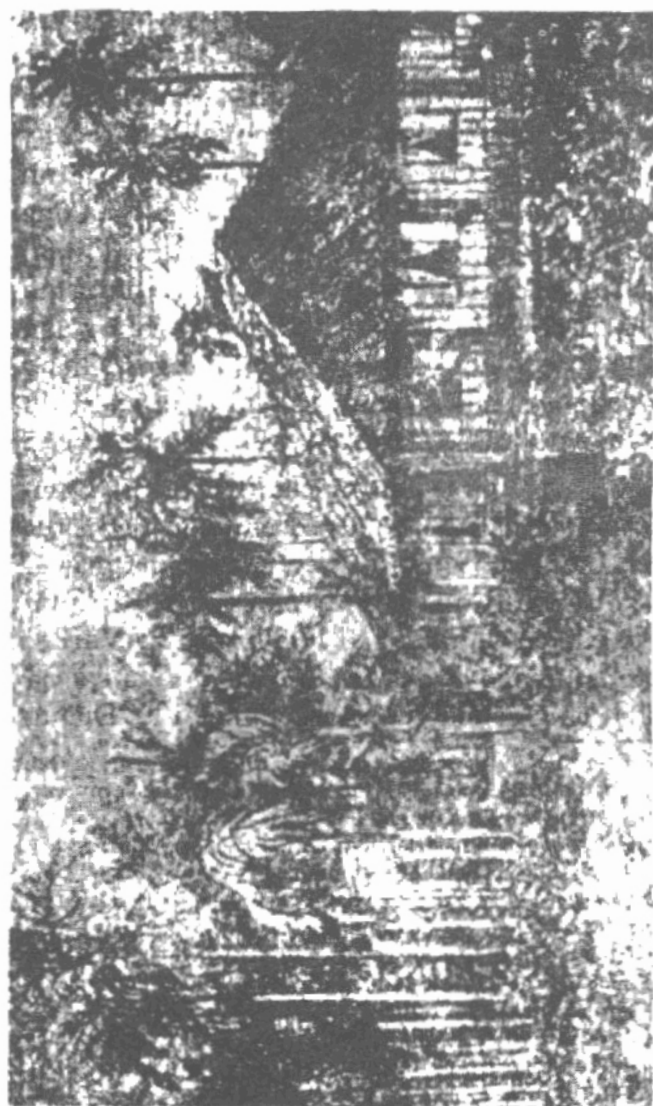
- (2) Theo bà Hilda Arnold, thì tờ điều ước ngày 5-6-1862, giữa ba nước Pháp-Iphanho-Đại Nam vẫn ký nơi Trường Thi này...

tàu, tục danh “Cầu Gọ”, cũng gọi “Cầu Quan”, vì ở trong xóm có nhiều nhà của quan viên.

Trước khi đi đến kho đạn cũ, bọc theo bờ thành gần cửa Đông “Phan Yên Môn”, có một con kinh nhỏ chạy dài ấy là “Kinh Cây Cám”, chạy tới đường Lê Thánh Tôn đi ngang Sở Pháo thủ (Pyrotechnie) qua Sở Công binh thuật (Génie) là dứt. Con kinh này, khúc nối dài tới Chợ Cũ thì gọi là “Kinh Chợ Vải” vì vải sò hàng giẻ đều bán tại đây. Chỗ hăng xe ngang nhà hàng lớn Charner thuở ấy có một cái giếng ngọt, tên gọi “Giếng Chợ Vải”. Kinh Chợ Vải chạy tới mặt tiền tòa đô chính ngày nay thì dứt.

Còn ở giữa khoảng Sở Thương chánh (Port de Commerce. Sở này có từ năm 1860) có một con rạch, tục danh “Rạch Cầu Sáu” vì nơi đây có một cái hầm nuôi cá sáu để xẻ thịt bán như ta thấy bán thịt bê thịt nai hiện thời (1). Rạch Cầu Sáu nối liền kinh Chợ Vải tới một con rạch nhỏ nữa do quan võ Coffyn đào, về sau cả ba con kinh này đều lấp bằng trở nên đại lộ “Đường Kinh Lấp” chạy từ dinh

(1) Loài cá sáu sức khỏe và sống dai lắm. Ở Cần Thơ cũng có Rạch Cầu Sáu, chuyên bán thịt sáu như ở Sài Gòn. Họ trói khuỷu hai chân trước, xô luôn qua một cây tre dài. Con này nối đuôi con kia ngấm cả xâu hai bên thuyền để cá sáu dưới nước làm bè thả từ Sông Cái Nam Vang về Cần Thơ, bán lần hồi cho đến hết sạch mà không chết con nào. Trong sách *Thối thực ký văn* tr.208. Ông Trương Quốc Dung thuật rằng làm thịt sáu, cứ để vậy, trước cắt đuôi ấn dần lên, miễn đừng chạm đến tạng ruột thì đến một tuần nhứt cá sáu vẫn không chết? Trên Nam Vang mùa nước hạ, thổ dân đốt đèn lấy tre đập mặt nước ao hồ thì cá sáu sợ, bò lên, họ theo sau lừa dịp nắm hai chân trước lật khuỷu trói lại thì bắt được, dễ quá! Chờ được nhiều sẽ xỏ tre rồi lấy dùi sắt chích con chót, nó trườn tới trước đẩy lẫn nhau, muốn đem đi đâu tùy.”



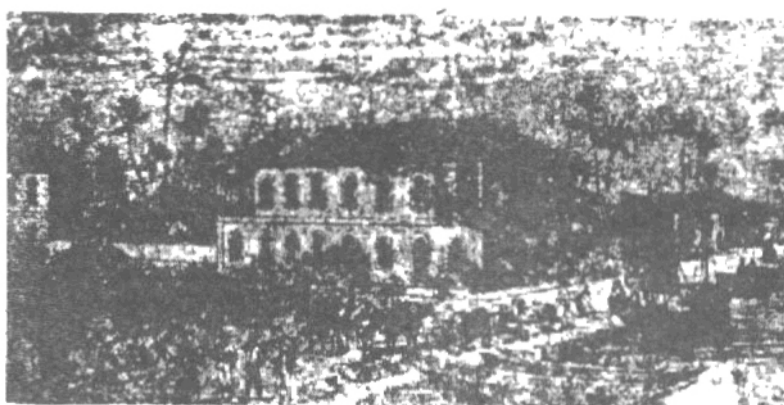
*Quán giải khát góc Catinat và d'Ormay cũ,
dọn trong ngôi nhà xưa họa lại theo báo Illustration
(Xem tr. 91)*

X



Dinh gỗ Thủy sư Bonard, họa theo báo Illustration (xem tr. 105)

Xbis



Một ngôi nhà kiên cố ở bến sông, chỗ cầu Thủ Ngũ, tới Sở Thương Chánh hiện nay đã phá vỡ (trích trong sách Pháp)

Đô trưởng tới giáp đường Công Lý (Nam Kỳ Khởi Nghĩa) và đại lộ Hàm Nghi (Boulevard de la Somme cũ).

Ngay chỗ sở Thương Chánh (Direction du Port de Commerce) có một cái đồn (fort) và một hành dinh để dành cho quan đại thần từ Huế vào Sài Gòn có chỗ an nghỉ. Tương truyền nơi đây có một ngôi nhà trước kia là chỗ trú ngụ của Thái Thượng Vương, Tân Chính Vương và Nguyễn Ánh. (Còn ngay chỗ Viện Bảo tàng trong vườn Bách thảo, đời chúa Nguyễn Ánh có cất một ngôi nhà riêng cho ông Bá Đa Lộc ở để dạy Hoàng Tử Cảnh, gọi là Dinh Tân Xá. Dường như sườn nhà này được dời về cất lại dựa tòa nhà của ông Linh mục ở đường Phan Đình Phùng (nay là Nguyễn Đình Chiểu) (1) như nay còn thấy. (Sau này hội Cổ học Ấn Hoa "Société des Etudes Indochinoises" có xây một bia đá kỷ niệm ngay tại nền cũ "Dinh Tân Xá", bia ấy ngày nay vẫn còn, ở về phía tả Viện Bảo tàng, day mặt ngó ra Rạch Thị Nghè. Tương truyền đám táng ông Bá Đa Lộc khởi hành nơi đây.

Vào năm 1860, Chánh phủ Pháp sửa sang đường sá mở ra rộng lớn và cao ráo, chỗ trải đá ong chỗ trải đá xanh, nhưng dân gian còn giữ lòng trung thành với triều đại cựu, còn lánh nạn có ý chống Pháp, nên dầu ở rải rác lơ thơ, cùng chẳng đã, và quang cảnh Sài Gòn thời ấy có thể nói gần giống một bãi tha ma chen kinh rạch chẳng

(1) Tôi vừa điều tra lại, rõ ra tòa nhà gỗ năm căn cất trong vòng rào nhà Linh mục đường Phan Đình Phùng, như hiện nay ta thấy tu chính làm tiểu giáo đường, vốn là nhà xưa của đức cha Lefebvre, chứ không phải của đức cha Bá Đa Lộc. Nhà cũ Lefebvre này, như vậy thuộc đời Tự Đức (1847-1883).

chặt chớ không hoa lệ như ngày nay chút nào. Các nhà dinh Lang sa lúc ban sơ đều dùng toàn cây gỗ và xúm xít chung quanh chỗ Ngân hàng Quốc gia ngày nay (Banque de l'Indochine cũ).

Những con đường như Bonard (Lê Lợi), Charner (Nguyễn Huệ), de la Somme (Hàm Nghi), Pellerin xưa kia đều là kinh rạch sau này lấp đi, tức nhiên buổi đó đi đến đâu cũng đều gặp toàn nước và nước. Ngay chỗ Chợ Mới Sài Gòn là một ao sinh lầy, Pháp gọi "Marais Boresse", chính ngay chỗ Khâm Lớn đã dẹp bỏ, bọc theo đường Lê Thánh Tôn, ta còn thấy cuộc đất thấp hơn đường Gia Long (Lý Tự Trọng) chẳng hạn, và hễ đào xuống vài thước sâu là gặp sinh non đen nhầy, muốn xây cất nhà phố vững bền phải nhiều tiền và nhiều công xây nền móng kiên cố.

Ngay tại chỗ Tòa Tạp tụng và Phá án, gần Chợ Cũ hiện nay, trước kia có một ngôi Thánh đường, gọi "Sainte Marie Immaculée" ăn lễ lạc thành tháng 5 năm 1863, sau phá đi nhường chỗ cho Tòa Phá án. Cũng nơi đây xưa là pháp trường, lúc ấy tả đao còn sử dụng đại đao chém tay chớ chưa dùng gươm máy. Hai cây đại đao này mấy chục năm trước còn thấy treo trên vách phía sau chỗ ngồi của viên chúa ngục Pháp Agostini, tại Khâm Lớn cũ Sài Gòn.

Dinh Tổng thống (Hội trường Thống Nhất) dinh cựu Phó Soái, Tòa Pháp đình đường Công Lý (Nam Kỳ Khởi Nghĩa) đều do nhơn công nhà binh Lang sa xây cất, thợ Tây xây gạch và làm đồ mộc, phu gánh đất đều là sơn đá, phu người Việt cũng có nhưng rất ít. Trong bộ ký ức lục (*Souvenirs*) của ông Doumer kể lại thì giá tiền xây dinh Toàn Quyền (Phủ Tổng Thống) là bốn triệu quan tiền

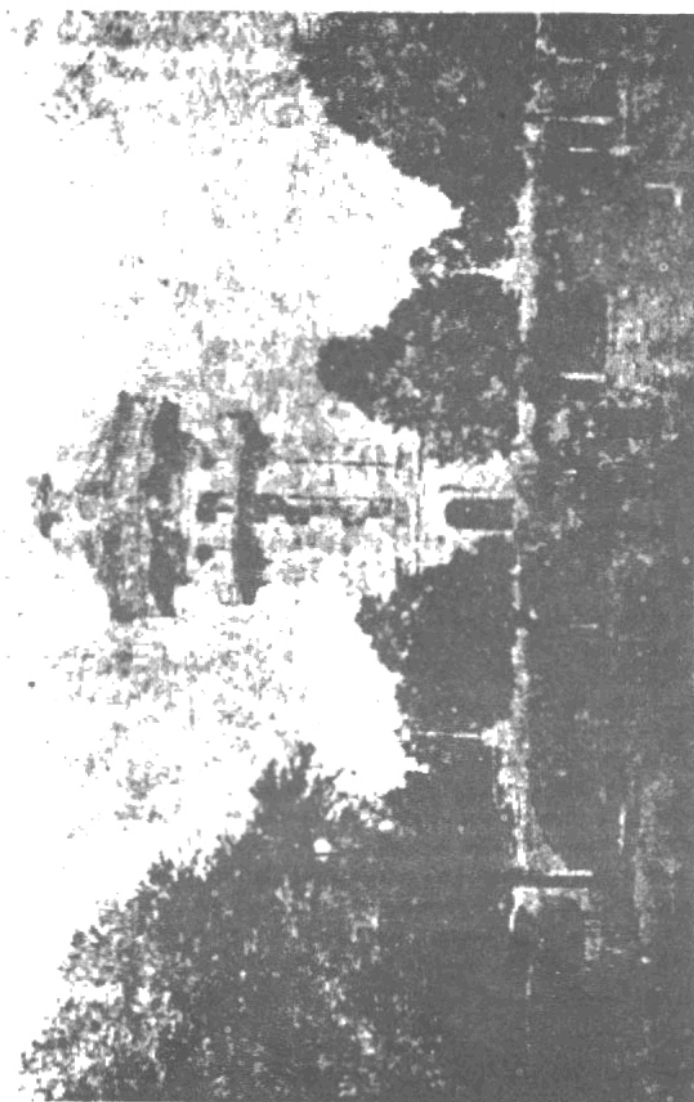
Tây, tức một số tiền to tát, vào thời ấy. (*Souvenirs d'Indochine*, Doumer, trang 70) (1) Cái nhà ba tầng lầu ở góc Tự Do - Gia Long (Đồng Khởi - Lý Tự Trọng) bấy giờ cũng là Sở Trước Bạ, vào đời mới xây, có danh tiếng cao nhứt, cho đến nay, người Trung Hoa còn gọi tòa nhà ấy là “Xám xừng lầu” (lầu ba tầng).

Ngoại trừ những dinh thự của Chánh phủ tu tạo, những nhà kiên cố nhứt thời ấy kể ra thì có:

- Nhà thờ Đức Bà
- Nhà Dòng tu sĩ (Presbytère)
- Nhà Phước Sainte Enfance.

- Nhà Dòng Saint Paul de Chartres, nhà này tương truyền do ông Nguyễn Trường Tộ ra kiêu và coi xây dựng. Còn trường dạy các quan cai trị (tham biện) danh gọi “collège de Interprètes” thì xưa ở chỗ gọi nhà trường Sở Cọp, sau này xây thêm rộng lớn trở nên trường Sư phạm tục danh trường Nột Mạnh (Ecole Normale Des Institueurs) rồi là Dương đường Chi Lăng, kế nay là Tổng Giám đốc học vụ và trường trung học Võ Trường Toản. Trường Collège des Interprètes sau đổi tên lại là Collège des Stagiaires (Collège des administrateurs stagiaires) dùng để đào tạo quan cai trị thuộc địa. Giáo sư gồm nhiều nhà thông thái như Luro, Chéon, Trương Vĩnh Ký (Sĩ Tải), Trương Minh Ký (Thế Tải), v.v...

(1) Về dinh Tổng Thống sau gọi Dinh Độc lập (nay là hội trường Thống Nhất). Dinh cũ thời Pháp để lại, xưa lễ đặt viên đá đầu tiên là ngày 23-2-1863. Dinh này xây rồi năm 1869, đến năm 1875 mới hoàn thành phần trang hoàng bên trong. Sau này bị phá mất, xây lại hoàn toàn mới.



Tháp dẫn nước xây năm 1878 tại Công trường Chiến sĩ, đẹp bỏ năm 1921.

Kể về nhà tư gia và tiệm buôn bán lớn thì năm 1863, có hãng Denis Frères, nay còn thấy y như châu xưa từ mé sông chạy theo đường Tự Do (Đồng Khởi) đến đường Ngô Đức Kế mới dứt. Các nhà buôn khác nay đã không còn nên không kể làm chi choán giấy.

Sau nhà thờ Nhà Nước, đường Duy Tân, (Phạm Ngọc Thạch) chỗ Công trường Kỷ niệm Chiến sĩ Trận vong, vào năm 1878 có xây một lầu chứa nước rất kiên cố và cao ngều ngệu, có thang khu ốc lên tận đỉnh chót. Thời ấy đã gọi là kỳ công kiến trúc, in hình bưu thiếp đề là "Château d'eau de Saigon". Về sau, dân cư ngày một thêm nhiều, hồ cung cấp nước không đủ, nên đã bị phá bỏ năm 1921.

Những kiến trúc khác như Sở nấu nha phiến đường Hai Bà Trưng, Cầu Mống qua Khánh Hội, Cầu Quay qua bến Nhà Rồng, xưa lập năm nào tôi truy không ra. (1)

(1) Trại lính dầm sen (*caserne Lelièvre*), này là trại lính Hiến binh Cộng hòa, gần thư viện Quốc gia đường Gia Long, xây năm 1974.

Khám lớn Sài Gòn (chỗ *Đại học Văn Khoa*) xây năm 1886 đến năm 1890 mới rồi. Phá bỏ lối năm 1954.

Mé sông, ngay đầu đường Catinat (Đồng Khởi), trước kia có tháp *Lemaille*, dựng năm 1865 do Phòng Thương mại Sài Gòn dầm dương, *Lamaille* từ trần lối năm 1862 - 1863. Tháp *Lemaille* sau dời về khu "Một Hình", đổi diện tháp *Doudard de Lagrée*, mất năm 1895. Chung quanh tháp *Doudard de Lagrée* có đặt mười hai khẩu súng đồng kiểu chế đời *Gia Long*, *Minh Mạng*, đặt hòng trở xuống đất, trên có xiềng lòi tói như hàng rào, xem rất nhục... cũng may, nay súng gỡ ra đem nhập Viện Bảo tàng, Một Hình cũng bị phá bỏ.

- *Chủng viện (Séminaire)*, còn thấy trên bảng kỷ niệm câu này: "Cettemaison a été détiée à Saind Joseph. Construite par le Père Wibeaux en 1863, elle fut agrandie et bénie par Mgr Colombert 1881" (Nhà này dâng kính cho *Thánh Joseph*. Đây là công tạo lập của cha *Wibeaux* xây năm 1863. Đức cha *Colombert* nối rộng thêm và ban phép lành năm 1881).

- Lính *I Pha Nho* theo chum lính Pháp qua đây năm 1859, trước đóng binh đường *d'Espagne*, đến 31-3-1863, có lệnh rút về căn cứ Manille.

- *Cerle Militaire* của Pháp, đường Thống Nhứt, (nay là Lê Duẩn) thuộc Bộ Tư pháp, xây năm 1876.

b) Từ lộ mé sông vào Chợ Lớn

Con đường dài theo mé sông chạy thẳng vô Chợ Lớn, người Pháp đặt là “Route Basse” (ta đồng thời cũng gọi là Đường Dưới) để đối chiếu với đường “Route Haute” (ta gọi Đường Trên).

Đường Trên trở nên con đường Võ Tánh, (Nguyễn Trãi). Con rạch dài theo Route Basse, chính là rạch Bến Nghé. Từ ngày Pháp sang đây, đổi ký danh từ Bến Nghé là một, hai là thấy dọc theo rạch có nhiều nhà cửa người Tàu, di tích sót lại của xóm dân Minh triều sợ Tây Sơn về đây lập vùng Đề Ngạn. (địa đồ cũ của Pháp ghi Bazar chinois), nên đặt tên rạch lại là “Arroyo chinois” (1).

Theo *Gia Định thông chí*, Trịnh Hoài Đức kể lại, thời đại Miên triều, xưa xưa, chỗ này vốn cây cối rậm rạp. Một bầy trâu rừng từ đâu kéo đến tụ hội nơi đây, nửa đêm trâu mẹ lạc mất nghé con; canh khuya lặng lẽ rống kêu còn mấy tiếng vang rền: “Nghé ngo! Nghé ngo!” nghe trả lời văng vẳng đâu đây, nghe vậy mà tìm hoài không thấy bóng thấy tăm, trâu mẹ nóng tình mẩu tử, hiệp sức với đoàn trâu cổ, ruồng phá suốt canh thâu. Rạng đông, con rạch đã khai thông, lấy tích ấy đặt tên “Kompong Krabei” (2), sau này ta dịch “Vàm Bến Nghé” chữ viết “Ngư Chủ”.

(1) Đường *Norodqm*, cũng gọi đường Hoàng Lân (Thống Nhất) này là đường Lê Duẩn, cho thông thương từ năm 1872. Một khúc đường này và đường *Catinat* (Đồng Khởi) được tráng nhựa đầu tiên, xưa chúng tôi gọi là đường *keo su*.

- Các giếng đường *Thống Nhứt*, đều do kỹ sư Berger đứng coi đào năm 1884.

(Xem tiếp trang 119)

Còn danh từ “Nhà Rỗng” là do tích trên nóc nhà hăng tàu chạy biển (Pháp gọi *Messageries Maritimes*) có gắn đôi rồng bằng đất nung trắng men xanh, ngày nay còn sừng sững. Nhà này tạo lập hồi Pháp vừa qua đây, nay gần đúng trăm tuổi, nhưng nghe đâu sẽ phá nhường chỗ cho dãy nhà chọc trời. Thuở ấy, hai bên rạch Arroyo Chinois nhà sàn cất san sát, dân cư trù mật, nhưng khúc chợ sung túc hơn cả thì ở vào khoảng từ cột cờ Thủ Ngữ chạy đến đầu cầu Mống nút đường Công Lý, xóm này có tên riêng là “Dãy Thầy Bói” cũng gọi là “Đường Thợ Tiện”. Đây là dãy nhà đẹp nhứt thuở “cựu trào” phong lưu nhứt nơi đó, vừa giàu vừa sang. Mà có chi đâu cho đáng danh từ vừa đẹp vừa sang: thay vì cột tạp cột tràm là được bộ cột gỗ danh mộc gỗ, cẩm lai, mây núi; thay vì lợp lá lợp tranh thì được nóc lợp ngói; thay vì vách ván vách đất, được vách có phong tô hần hoi, chỉ được bấy nhiêu ấy mà đã gọi giàu sang tốt bụng, mấy chú nhà quê buổi đó đi ngang dừng chân hít hà: “Hứ! Nhà gì cột bóng ngó thấy mặt,

- *Trại lính thủy mé sông (caserne Garnier)* có từ năm 1906.

- *Dưỡng đường Angier*, có từ năm 1908, ở ngay vườn Bách Thảo, góc Nguyễn Bình Khiêm - Lê Thánh Tôn, bị bom Mỹ dội năm 1944, nay đã dẹp và thay vào là dưỡng đường Saint Paul, đặt ở đường Phan Thanh Giản, (Điện Biên Phủ) ngay trường nữ học Gia Long (nay là Nguyễn Thị Minh Khai).

- Đường *Lefebvre* (Nguyễn Công Trứ) có ngôi nhà số 1 cũ nhứt, xây năm 1865.

- Đường *Chaigneau* (Tôn Thất Dạm), nơi nhà số 49, bà Arnold thấy một hồ nước bằng đá để 1856, đường *Pellerin* (sau là *Pasteur*), nhà số 20 và đường *Doyor* (Nguyễn Văn Sâm) số 26 là nhà xưa, kiến trúc theo điệu Tàu, có hồi vắn, bắt chỉ, sơn son, mạ vàng.

- *Tòa Pháp đình*, xây từ năm 1881 đến 1885.

- Trường *Chasseloup Laubat*, nay đổi là trường Jean Jacques Rousseau, kế là trung tâm giáo dục Lê Quý Đôn, xây từ năm 1879 đến năm 1885.

(2) Kompong là vũng; Krabei là trâu: Vũng Trâu.

vách rờ mát tay!” Không bì như bây giờ, nhà cao chọc trời còn muốn cao thêm, sẵn thang máy rút, phòng có máy lạnh còn chê chưa vừa ý muốn! Xưa người thưa đất rộng, xây nhà đếm căn, nay đất ít đông người, xây nhà kể từng, xưa một các một thước vuông đất chợ, mà dân không có tiền mua, nay đất ngoại ô mấy trăm mấy ngàn một thước cũng có người tậu để dành làm giá, ngày sau khi bán dễ siết hòng.

Từ Cầu Mống chạy giáp chợ Cầu Ông Lãnh là địa phận làng Long Hưng Môn, nhà cất tấp nập chen chúc theo mé sông (1).

Trong tập khảo về *Tôn Thọ Tường*, ông Khuông Việt có ghi rằng nhà Tôn Thọ Tường ở làng Nhơn Hòa Xã, ranh giới làng này chạy từ Rạch Cầu Kho đến đại lộ Kitchener và căn cứ theo Tôn Thọ Võ, con nuôi thứ hai của Tôn Thọ Tường, thì ngôi nhà này tọa lạc tại ngã ba dưới Cầu Ông Lãnh phía Chợ Lớn gần dinh Lãnh sự Việt Nam Nguyễn Thành Ý, và gần nhà ông Trần Ngươn Vị. Tôn vay ba trăm đồng bạc “con ó” (piastres mexicaines) của trạng sư Blancsubé, tờ vay bạc có thông ngôn Janneau chứng kiến để xây cất nhà này. Về sau Tôn mất, con là Thọ Võ bán nhà một ngàn quan tiền Lang sa (tr.54-55, *Tôn Thọ Tường*, Khuông Việt).

Nhà Tôn có treo đôi liễn:

Anh hùng hà xử bất,

Quân tử kiến cơ nhi. (tr. 80)

(1) Nên tìm xem bản đồ nhà phố đời xưa trong quyển *Souvenirs d'Indochine* của Paul Doumer, trang 69.

Con đường Boresses cũ (nay là đường bác sĩ Yersin) thời đó là một con đường kỳ lạ nhứt. Hai bên đường chòi lá lụp xụp, ẩm thấp, bầy hầy. Đây là xóm Mọi Lào, trong số Chăm, Miên, Lào đều có, đời đảng cựu bị bắt bán mọi, nay người Pháp đánh đòn tâm lý, ra lệnh phóng thích và cho phép tụ họp nơi con đường này. Họ sanh nhai bằng nghề ít vốn là lên rừng đốn lá dừa nước đem về đương gàu lá để mức nước giếng.

Sau này bọn Mọi Lào đều chết già hoặc chết lần mòn hoặc giả di cư theo con cháu đi làm ăn xứ khác. Đường Boresses cũng như đường Lefebvre, đổi lại một nghề mới không thua sự quái gở là gái mãi dâm làm ăn công khai ngoài đường từ chạng vạng nhá nhem cho đến khuya lơ khuya lác, tụ tập ngoài phố nhớn như nỉu kéo, bày trò khả ố, má trét phấn chì môi bết giầy khói nhang, đem đổi rẻ một hai hào bạc. Cô nào tốt số gặp khách sộp cho năm cắc, một đồng bạc, còn coi quý hơn tờ giấy bạc một trăm hai trăm bây giờ; qua ngày sau, tiếng đồn rùm, tặng đó là “huê khô” phở lở! Danh từ “đ... Bồ Rệt” có thua gì danh từ “Anh Chi Bồn Kèn”.

Năm 1913, xã trưởng Cuniac sai lấp ao lầy “Marais de Boresses” và xây cất tòa Chợ Mới. Bọn gái mãi dâm châu Âu, gồm gái tứ chiếng: Hy Lạp, Lô Mã Ni, Ba Nhĩ Cạn (Balkan) không ưa gần gái gọi “Bồ Rệt”, lập riêng xóm Bình Khang đường Fillippini, d’Espagne và Mac Mahon. Chiều chiều lính sơn đá cười giỡn trêu đùa ngoài đường, đánh ma nỉ tay tư (Manille à quatre) thua phải trả bốn cốc khai vị (consommation), vừa đúng tám cắc bạc (0\$80) đã là sạch túi! (Bạc quan thời ấy tính một đồng

bạc Đông Dương ăn 2 fr 15 đến 2 fr 20). Góc Bồn Kèn tứ diện có bốn nhà hàng rượu tây, ăn khách từ sáu giờ chiều đến hai giờ khuya, sau dẹp dần chỉ còn lại quán Pancrazi là giới chịu đựng nhứt. Quán Café de la musique ở góc đường Tự Do và Lê Lợi ngang Nhà Hát Tây, năm 1905 sang cho lão quán Pancrazi, kế biến thành nhà thuốc tây Solirène, rốt lại là nhà bán kem Givral hiện nay.

Cái Cầu Quan đã nói nơi đoạn trước, chính ở gần còn đường Bồ Rệt, đúng ra đường Kitchener, chỗ ấy nay còn một ngôi đình, một rạp hát bội còn giữ tên xưa “Đình Cầu Quan” và “Rạp Hát Cầu Quan” như lúc cựu thời.

Còn gái Nhựt Bồn thì tụ tập khối Bót Nhì (Commisariat du 2è Arrondissement) Cầu Ông Lãnh, đóng đô trên dây lầu ngó mặt xéo qua Bót Nhì. Năm 1914, trước ngày có tin xảy ra trận châu Âu đại chiến, gái Nhựt được mật lệnh bên xứ tự rút lui về đảo Hoa Đào, từ ấy không trở qua Sài Gòn nữa.

Rạch Cầu Quan chạy tới Xóm Lò Heo là rạch Cầu Ông Lãnh. Gọi làm vậy vì đây có cái cầu bằng cây danh mộc do ông Lãnh binh xuất tiền ra làm, cũng như trên rạch Thị Nghè, gần vườn Bách Thảo, có cầu Thị Nghè, con gái ông Văn Trường Hầu, xuất tiền ra cất. Tịch này nhiều người biết. Chồng bà là một ông Nghè chính cống; làm lại mục trong dinh Tả quân. Bà thương chồng, không muốn chồng sang đồ cực thân nên tu kiêu, âm đức lưu truyền đến ngày nay, cũng là một gương sáng soi chung thiên cổ.

Xóm Lò Heo đi vô một đôi là đến “Cầu Rạch Bần”. Nơi đây, năm xưa lối 1920, tôi có quen một vong tộc họ

Võ. Chủ gia kể lại cho tôi nghe một chuyện nay nhắc lại với cả sự dè dặt là chuyện Võ Phi Loan trong chuyện *Lục Ván Tiên*, ông Đồ Chiểu là “rể hụt” của gia đình này. Bởi mất vợ vì “mù lòa người ta không gả con” nên ông Đồ không quên ghi lên tờ giấy trắng họ danh của con người đen bạc.

Khởi chợ Cầu Ông Lãnh một đôi thì gặp “Cầu Muối”, vì thuở xưa, những thuyền đi biển (ghe cửa) chở muối lại đổi chác với người Sài Gòn đều đổ bến tại đây. Trong xóm có những kho bằng lá của đàn cựa dùng chứa muối. Ngày Sài Gòn bị Tây chiếm, binh ta rút lui, bỏ lại đây tro trọi mấy dãy nhà xơ xác, mặc tình mưa sa nắng tấp. Chốn này cũng còn giữ được một rạp hát bội và một ngôi đình xưa để y tên cũ: Rạp hát và đình Cầu Muối.

Khởi Cầu Muối thì đến Cầu Kho, rồi đến Xóm Bà Tiệm. Gọi Cầu Kho vì xưa đây là “Kho Cẩm Thảo” của nhà vua xây để tích trữ lương mễ từ Lục Tỉnh tải lên cống nạp. Tên chữ khác gọi là “Tân Triêm Phường”.

Từ Cầu Bà Tiệm vô xa chút nữa là tới Cầu Bà Đô. Đây là địa phận làng Hòa Thạnh và làng Tân Thạnh, tục danh “Xóm Lá” (bán lá lợn nhà) và “Xóm Cốm” (bán cốm, cốm chùi). Bờ sông đối diện cũng trữ và bán lá nên cũng gọi luôn là “Xóm Lá”.

Từ Cầu Bà Đô vô xa chút nữa thì đến Cầu Hộc là địa phận làng Bình Yên. Dân cư tại đây sinh sống bằng nghề đổi chác với ghe cửa và thuyền buồm từ Huế trảy vô Nam. Gọi Cầu Hộc làm vậy vì tại đây xưa có một cái giếng xây miệng vuông vức như cái hộc đóng lúa (Giếng hộc). Cụ

Trương Vĩnh Ký thuở sanh tiền thường khen giếng này nước ngọt nấu trà thơm ngon không nước giếng nào bì.

Từ Cầu Hộc vô xa chút nữa, thì đến một cái đập gần đường đường Chợ Quán. Đó là làng Tân Kiểng (1), tục danh “Xóm Lò Rèn Thợ Vấp”. Nhà thương Chợ Quán cất trên đất thuộc làng xưa “Phú Hội Thôn”. Tại đây có một lò hầm vôi. Khởi đường đường Chợ Quán một đôi có một cái cầu dùng làm ranh giới làng Đức Lập và tiếp theo đó là làng Tân Châu, tục danh “Xóm Cầu” vì dân cư chuyên nghề hạ bạc. Xa thêm một đôi nữa là làng An Bình Thôn tục danh “Xóm Dầu”, chữ gọi “Phụng Du Thôn” (bán dầu phộng).

Từ Xóm Dầu chạy vô nhà máy xay cũng còn là làng An Bình. Đối diện bên kia rạch là làng “An Hòa” của phường Vạn Đò. Tại đây có con rạch có tên “Rạch Bà Tịnh” cầu tại đây cũng gọi “Cầu Bà Tịnh”. Rạch Bà Tịnh chạy từ nhà máy xay trở ra đường Võ Tánh hiện nay, đến một gốc me đại thọ thì dứt. Gốc me này lối năm 1952 tôi

(1) Nay khảo bộ *Đại Nam Nhất thống chí* bản dịch ông Cử Nguyễn Tạo trương 74 thấy ghi: *Nơi chợ Tân Kiểng, thường năm đến ngày Nguyên đán, có tổ chức cuộc chơi vắn xa và đánh đu tiên, nên gọi là Chợ Lớn.* Lấy đó mà suy chỗ này xưa phải phồn thịnh nhứt mới có bày những thú phong lưu xưa như “vắn xa”, “đu tiên”. Có phải là “Đề Ngạn” sơ khởi ở chốn này chăng? Nào dè chưa đầy hai trăm năm, mà đã “sao dời vật đổi”, chốn phồn thịnh nhứt đã không còn ở chỗ cũ năm xưa! Cũng trong *Đại Nam Nhất thống chí*, trương 91 có nhắc tích năm Canh Dần thứ sáu (1771) đời vua Duệ Tông có con hổ vào nhà một người dân phía Nam chợ Tân Kiểng, nhờ có sư Tăng Ấn và đồ đệ tên Trí Năng hiệp sức mới hạ được. Điển này cho ta biết thế kỷ thứ XVIII vùng Chợ Quán còn còn đến

còn thấy nhánh gốc cần còi có vẻ cổ thụ lắm: năm 1957, có việc đi trở lại xóm này thì gốc me xưa đã mất hay là búa đồ thành đã đi trước tôi rồi? Trước đây, lối năm 1955, “Cháo trắng Cây Me” tiếng đồn ngon nhất, khuya nào cũng kéo nhóm phong lưu xa mã về cười giỡn nơi đây!

Xa vô trong một đôi nữa thì tới Vịnh Bà Thuông, rạch này do Phó Tổng trấn thành Gia Định Huỳnh Công Lý đứng xem đào, hồi năm 1819, rạch chạy từ đây ra ngã tư. Xóm này là xóm xay lúa giã gạo. Tại đây có một cái giếng nước ngọt hữu danh, mang tên Pháp là “Puits d’ Arden”. Cũng lạ: Puits d’ Ardan trước kia ở bên kia bờ sông. Sau nước Vịnh Bà Thuông xoáy mạnh và chảy động vô giếng thét lâu ngày ăn đứt mất khuỷnh đất ấy rồi giếng lọt vào giữa Vịnh, kể biệt tích luôn. Bà Thuông chữ gọi Thị Thông. Xưa nơi đây có Cầu Thị Thông và An Thông Hà.

Từ Cầu Bà Thuông chạy vô tới Cầu Sắt là làng An Điền. Nơi đây đột khởi một đồi đất chỉ vừa bọng giếng, bốn phía nước sông bao vây, tư mùa đục, mặn, duy nước giếng tràn lên là ngọt, mát, xét ra mạch nước ở sâu và xa ngầm đến, tên chữ *Tấn Tỉnh*. Đồi ấy ghe thuyền mức nước chở đi bán xa gần là mức nước giếng này. (*Đại Nam nhất thống chí*, Nguyễn Tào dịch, tr. 65). Xóm An Điền, mé rạch có tên riêng là “Xóm Chỉ” (xưa bán kim chỉ) nay còn thông dụng. Cầu Xóm Chỉ bắc qua Xóm Đầm ở bên kia mé rạch.

c) Bên kia Rạch Bến Nghé

Kể dài theo bờ rạch là làng: Khánh Hội, Tân Vĩnh, Vĩnh Khánh, Bình Xuyên và Tứ Xuân. (Làng Vĩnh Hội sau này là do các làng Khánh Hội, Tân Vĩnh và Vĩnh Khánh gộp chung lại). Ranh làng Tứ Xuân đặng Rạch Ông Bé, tục danh là Xóm Te (Te lá gửi dùng để đánh cá. Gửi trong Nam gọi là “nhủi”). Kế đến làng An Thành (sau đổi Tuy Thành), làng Bình Hòa (Thanh Bình), tục danh Xóm Rớ (Rớ là một thứ lưới có thể cất lên cất xuống được). Kế đến làng An Hòa Đông, Hưng Phú (Xóm Than). Trước khi vô đến Chợ Lớn, ngang Xóm Than, có một giếng gần mé sông, tên gọi “Giếng Hàng Xáo”, vì dân đổi nước đem về nấu ăn vẫn đồn đãi và đua nhau đến giếng này giành giựt đôi chác:

Giếng Hàng Xáo mức lao xao,

Kẻ chớ thuyền người chuyên bộ...

(**Gia Định vịnh**, trang 9)

Xét ra, khi chưa đặt ống nước và dựng nhà máy lọc và dẫn nước xa về Sài Gòn, thì vấn đề giếng ăn là lợi hại nhứt trong đời sống người dân thuở ấy. Thậm chí các quan Tây, nhà nào không có hầm chứa nước mưa thì cũng ăn nước giếng, và giếng nào nước tốt thì nổi danh khắp vùng.

Từ Xóm Than vô Chợ Lớn, hai bên bờ sông, nhà sàn san sát. Chỗ này ghe thuyền miền Lục Tỉnh lên đậu kéo lên, nào ghe lườn đánh rồi, bán bánh, kẹo, cháo, v.v...

bán đến khuya lơ khuya lắc, vẫn còn nghe tiếng gái rao hàng lạnh lạnh dưới sông, hò, hát nghêu ngao, tục gọi: “Bán rồi”.

d) Cầu và kinh rạch vùng Chợ Lớn...

Dọc theo kinh Chợ Lớn có nhiều cầu cao cảng, đặc biệt của xứ Chợ Lớn, vì cầu rất cao có bậc thang bộ hành lên xuống dễ dàng, xe đạp dắt tay hoặc khiêng vai qua lại không khó, nhưng bất tiện xe cộ chạy qua không được, cầu này cốt ý làm ra để giúp người hai bên cầu qua lại bằng chơn khỏi đi dò ghe lâu lắc, duy xe cộ phải chạy vòng ngã khác, còn đường nước vẫn lưu thông, ghe chài và tàu có thể chun qua lộn lại không trở ngại lắm. Kể sơ là:

- 1- Cầu Xóm Chi, ngay con đường Tân Đà;
- 2- Cầu Chợ Lớn, trở vô Chợ Lớn cũ;
- 3- Cầu Chà Và, gọi làm vậy vì xưa đây là phố Chà bán vải;
- 4- Cầu Xóm Củi;
- 5- Cầu Ông Lớn (vì xưa dân không dám gọi tên Đỗ Hữu Phương);
- 6- Cầu Bót Bình Tây qua Bình Đông;
- 7- Cầu Ba Cẳng trở ra đường Cambodge và Yunnan;
- 8- Cầu có bậc thang trở ra đường xuống đường Gò Công;

9- Cầu Palikao, (gần đây có nhà giàu bậc thứ tư là Hộ Định); nhưng kể hoài không dứt, chỉ thêm bực trí. Vậy xin để đó, tạm thời nhắc lại Chợ Lớn thuở xưa có hai đường thủy thông thương với Mỹ Tho và miền Hậu Giang, có thể nói là hai đường sanh mạng giúp sự chuyên chở thổ sản và mễ cốc miền Tây được mau chóng và rẻ tiền:

1) *Thủ nhứt là Rạch Chợ Lớn nối liền Rạch Cát (Sa Giang) và Rạch Bến Nghé, do Kinh Ruột Ngựa (Mã Trường Giang) (đào năm 1772) và Rạch Lò Gốm, có Kinh Vòng Thành (Canal de Ceinture) ăn thông đến phía sau Đồn Cây Mai. Gọi Kinh Vòng Thành, vì người Pháp chiếm Sài Gòn vào tháng mười một năm 1862, theo dự án Coffyn, thì Đô đốc Bonard truyền đào kinh nối Rạch Chợ Lớn đến Rạch Cầu Kiệu, để làm cho có nước bao bọc vùng Sài Gòn Chợ Lớn trở thành như một cù lao. Có cả thấy bốn chục ngàn nhơn công ra đào kinh ấy, định bề ngang hai thước, bề sâu sáu thước, băng qua Đồng Tập Trận, dài lối sáu cây số ngàn (6km). Nhưng công việc dở dang thất bại, và Đô đốc Bonard đành bỏ nửa chừng công tác ấy.*

Đoạn Rạch Chợ Lớn, từ Cầu Sắt tới Rạch Lò Gốm, trước kia có Rạch Phố Xếp đào năm 1778, gần đây đã lấp thành Đại lộ Tổng Đốc Phương.

Khúc rạch chạy từ đường Vân Nam (Yun-nan) đến Cầu Ba Cánh (trước hăng xà bông Trương Văn Bền) xưa đào năm 1782. Trên đoạn này có Cầu Sắt, Cầu Đường, Cầu Vân Nam (bắc ngang Rạch đường Vân Nam). Cầu

Khâm Sai (sau cất lại đổi tên là “Cầu Ba Miệng”), và Cầu Phước Lâm là cầu nấc, cao cẳng, xe cộ qua lại không được. Đoạn Rạch này từ Cầu Sắt đến Rạch Lò Gốm sau lấp đi trở nên đường Khổng Tử (Gaudot cũ và Bonhoure cũ) thêm một khúc là đường Trang Tử (quai de Fou-kien) và Bến Xe Đò. Khi lấp rạch thì các cầu cũng bị triệt hạ.

Đoạn từ Rạch Lò Gốm vô Rạch Cát, tại đường Danel (nay Phạm Đình Hổ), ngay Đồn Cây Mai, có cầu có bực thang, tiếng Pháp là Pont Danel, ta đặt tên Cầu Công xi heo. Kế bên cầu có lò heo Đô thành, từ ngày lò làm heo được dời về Chánh Hưng thì trụ sở lò heo sửa lại làm trường học chi nhánh Trường Cây Gõ. Dọc theo rạch, phía tay trái có con rạch nhỏ của Lò Siêu trên có bắc cầu gọi “Cầu Khum”.

Đoạn đường Minh Phụng, bắc ngang qua Rạch Lò Gốm, có Cầu Cây Gõ. Cầu này khi xưa làm bằng sắt trên lót ván, nhưng hai bên dốc cầu quẹo xuống đường Lò Gốm và đường Phú Lâm, cao và gắt, nên thường xảy ra nạn xe kiếng lật đổ nơi đây. Từ năm 1924, cầu này được đúc lại bằng đá sạn và đã bớt nạn xe ngã. Nối vô trong gần Lò Lu, thì có Cầu Bà Kế, vì ăn thông với đường Bà Kế, nay là đường Phú Lâm, và có “Cầu Xây”, loại cầu này làm bằng cây lót hai tấm ván có tay vịn, nhưng từ khi mở con đường Renault và cầu đút Renault, (nay là đường và cầu Hậu Giang) thì cầu xây đã dẹp.

Dọc theo Rạch Lò Gốm, về phía tay mặt có con rạch nhỏ của lò làm gạch hiệu Quảng Di Thành, đào để tiện chở chuyên đất hầm gạch từ Phú Định, (nay là phía tay

trái đường Hậu Giang), trên con rạch nhỏ này có “Cầu Chú Bon”, cột bằng sắt. Tại Cầu Bà Kế trở bên tay mặt, có Rạch Ông Buông, chảy một nhánh tới làng Tân Hóa, một nhánh tới làng Tân Khai. Trên nhánh đi Tân Khai có cầu sắt gọi “Cầu Đôn”, vì ở trên đường trở ngay trước Đôn Phú Lâm. Trên nhánh đi Tân Hóa có “Cầu Tre”, Cầu xe lửa (xe chạy đường Sài Gòn - Mỹ Tho) và Cầu Ông Buông tại bót Phú Lâm là trên đường đi về Lục Tỉnh. Còn khoảng rạch từ bót Phú Lâm tới ngã ba Rạch Lò Gốm thì có cầu cây của tư nhơn bắc để đi qua chùa Giải Bình (nay gọi Thiên Trước Tự).

Rạch Chợ Lớn, ngày xưa là đường giao thông thanh vượng. Tại chỗ bến xe, ngày trước ghe chài đậu tấp nập để vô ụ ghe sửa chữa. Ụ ghe ngày nay trở nên Chợ Bình Tây do ông Thông Hiệp hiến đất để xây cất. Dọc hai bên Rạch Lò Gốm, xưa có lò gạch: lò Tín Di Hưng, Quảng Di Thành, Hiệp Hưng; thêm có lò siêu và lò làm lu.

Lò gạch Tín Di Hưng, tại ngã ba Kinh Vòng Thành nay đã dẹp, trên khu đất này nay phố xá cát đông đúc.

Lò siêu Bửu Nguyên nay cũng nghỉ việc, trở nên lò làm ve chai và làm giấy súc.

Còn lò lu thì sau đổi thành lò chén, nhưng cũng không phát đạt cho lắm.

Lò siêu ở sau Đồn Cây Mai cũng dùng Kinh Vòng Thành để ra Rạch Chợ Lớn. Nay Rạch Kim Vòng Thành đã cạn và lò siêu cũng thôi hoạt động.

Đối diện lò siêu Bửu Nguyên, bên tay mặt Rạch Lò

Gốm, khi xưa có giếng Hộ Tùng, giếng xây hộc vuông, nước thật ngọt và trong mát, mùa hạn nắng, ghe đõ nước từ Chợ Đệm, Bến Lức, Cầu Ông Thìn, Cần Giuộc, Cần Đức... đều đua nhau chen chúc đến nơi đây, gây cảnh tấp nập ồn ào. Từ khi lấp Rạch Chợ Lớn. Nay Rạch Kinh Vòng Thành không thông thương và cạn dần. Các lò gạch, lò lu, lò gốm, lò siêu sinh kế đã mất, cũng dẹp lẩn. Ngày nay xóm Lò Gốm chỉ còn có cái tên trơn, và không sản xuất đồ gốm nữa.

2) *Con đường thủy thứ nhì là Kinh Chợ Lớn* cũng gọi là Kinh Tàu Hủ (Arroyo Chinois). Vùng Chợ Lớn thuở nay buôn bán thịnh vượng một phần lớn là nhờ Kinh Tàu Hủ này. Đây là đường thủy vận nối liền Sài Gòn với các sông ngòi chảy xuống miệt Hậu Giang. Con đường thủy này tiện lợi vô cùng vì đã thâm ngăn đường ghe thuyền tránh được nguy hiểm khỏi trở ra đường biển để vào Cửa Cần Giờ. Tàu nhỏ ghe thương hồ, các ghe chài “ăn lúa” từ Bạc Liêu, Bãi Xàu, Sóc Trăng, kéo lên, hoặc thuyền “cá đen” Biển Hồ (Nam Vang) đổ xuống, đều noi theo Kinh Tàu Hủ này mà “ăn hàng”, “ăn gạo”, hoặc đoi “cát lúa” lên cho các nhà “tàu khậu” (1) và nhà máy xay Chợ Lớn, cũng như nhờ con Kinh Tàu Hủ này để giao dịch với thương cảng và tàu hàng tàu buôn xuất ngoại.

Con kinh này, ngoài việc lợi ích giao thông về kinh tế còn là đường chiến lược, thuở xưa tàu binh Pháp đã mượn nó mà đến vây Đồn Cây Mai và thuận đường đánh

(1) Tàu khậu, hoặc “tàu khậu” do hai chữ “Đại Khố” đọc giọng Tiểu “Triều Châu).

úp chợ Mỹ Tho. Con kinh Tàu Hủ đã từng chứng kiến những biến cố lịch sử đau thương của ta và lịch sử đó đã được ghi rành trong cận sử Việt.

Khảo ra vì Rạch Chợ Lớn cạn hẹp, (cũng vì thế nên sau Pháp lấp bỏ) để có một con kinh rộng lớn hơn, nên năm Gia Long thứ 18 (Kỷ Mão, 1819) vua hạ lệnh cho đào kinh Tàu Hủ, Phó Tổng trấn Gia Định Thành là Huỳnh Công Lý, (cha vợ vua Minh Mạng), được phong làm Khâm sai, hiệp với Tổng Thanh tra Gia Định, điều khiển mười một ngàn bốn trăm sáu chục nhơn công (11.460), chia làm ba tốp, mỗi dân công có lãnh một số tiền và một khẩu phần, khởi công ngày 23 tháng giêng, đến ngày 23 tháng Tư năm Kỷ Mão (1819) là hoàn thành, đúng ba tháng. Con kinh này bắt đầu từ Cầu Đê Thông (nôm gọi Cầu Bà Thuông) chạy đến ngã tư sông Rạch Cát. Sách nói kinh dài 2.129 tầm và bộ, bằng chín dặm rưỡi, (mỗi dặm 576 thước tây = $576 \times 9,5 = 5.472\text{m}$). Bề ngang rộng mười lăm tầm (mỗi tầm 8 xích, tính ra $0,32 \times 8 \times 15 = 36\text{m}90$). Bề sâu được 9 bộ (mỗi bộ 6 xích = $0,32 \times 6 \times 9 = 17\text{m}28$). Mỗi bên kinh có chứa một bờ đất rộng 8 tầm. Đào rồi, vua Gia Long đặt tên khúc kinh ấy là An Thông Hạ.

Về sau, người Pháp cho vét lại hai lần vào năm 1887 và năm 1895.

Nay ráp với đoạn Chợ Quán và Cầu Ông Lãnh, gọi chung là Kinh Tàu Hủ (Tài liệu rút trong *Phổ Thông* số 15 ngày 15-7-1959, bài của ông Lê Ngọc Trụ viết).

Theo bộ *Gia Định thông chí* của ông Trịnh Hoài Đức, thì vốn là lạch nhỏ cũ đào rộng ra, nhưng xét qua địa đồ

xưa của ông Trần Văn Học vẽ về tỉnh Gia Định trước năm 1815 thì không thấy có con rạch nhỏ ấy.

Theo sử, Rạch Chợ Lớn chứng kiến hai trận chiến tranh:

1- Thời Nguyễn Ánh, binh Tây Sơn giết người Hoa kiều nơi chỗ gọi “Thầy Ngồnn” (Đề Ngạn), trong ba tháng “không ai dám rớ miếng cá miếng tôm” (1782).

2- Thời Pháp chiếm Sài Gòn, thủy quân Pháp dùng khinh pháo hạm Jaccaréo án ngữ trên Kinh Chợ Lớn, đậu tại đường Tản Đà (vì thế họ đặt tên đường ấy trước kia là đường Jaccaréo), còn một chiếc khác họ đậu tại sông Rạch Cát để bao vây Đồn Cây Mai của Nguyễn Tri Phương.

Con Kinh Chợ Lớn thường nổi cồn cát cản trở sự thông thương và phải được vét hoài mới dùng thuận tiện.

Dọc hai bên bờ kinh, có nhiều nhà máy xay gạo như hiệu Nam Long, hiệu Kiến Phong là danh tiếng nhất, đều của Hoa kiều và nhiều chành lúa gạo dựng san sát kế liên nhau từ Bình Tây đến Bình Đông. Hăng rượu Bình Tây cũng ở về hữu ngạn kinh Chợ Lớn này. Những cầu bắc ngang kinh Chợ Lớn kể từ Chợ Lớn Cũ trở vô Bình Đông thì có *Cầu Chà Và* dùng để đi qua Xóm Củi, *Cầu Bót Bình Tây* và *Cầu Hăng rượu* là loại cầu có mang cá, xe cộ muốn qua phải theo hai mang cá tả hữu leo lên. Hai dãy nhà máy này được một thời thịnh vượng. Qua đời Nhứt Bồn chiếm Sài Gòn các nhà máy này bị Nhứt trưng dụng về quân sự, trở nên những đích cho máy bay Đồng Minh dội bom. Năm 1945, có một trận bom dội xuống trúng nhằm

nhà máy Nam Long, khiến thường dân vô tội chết rất nhiều.

Còn giữa khoảng Rạch Lò Gốm và Kinh Chợ Lớn, có kinh gọi Kinh Hàng Bàng nối liền hai đường thủy này do khúc kinh đường Vân Nam hiệp thành một ngã ba và nơi đây có cây Cầu Ba Ngã. Cầu này nguyên khi xưa làm bằng sắt lót ván, vì một cuộc hỏa hoạn xảy ra ở đường Gia Long (nay là Trịnh Hoài Đức), thiên hạ bu đông trên cầu để đứng xem, dồn dập quá sức chịu đựng, nên cầu sập. Sau này xây lại cầu đúc sạn cốt sắt và đặt tên là Cầu Ba Cẳng.

Dọc kinh đường Vân Nam đến Cầu Ba Cẳng, trước mặt hăng xà bông Trương Văn Bền, nay đã lấp bằng. Chỉ còn khoảng từ Cầu chạy ra tới Kinh Chợ Lớn là có nước chảy. (1)

Bắc ngang khoảng kinh này, dọc theo Kinh Chợ Lớn thì có Cầu Ông Lớn (Tổng đốc Đỗ Hữu Phương). Còn từ ngã ba Cầu Ba Cẳng đến Rạch Lò Gốm, có cả bảy năm cây cầu:

- Cầu nấc đường Gò Công, xe đi không được, đã kể rồi!

- Cầu Palikao.

- Cầu nấc đường Minh Phụng.

- Cầu Kinh.

Hai cầu nấc kể sau đây nay đã thay bằng cầu đúc.

(1) Tháng Hai năm 1961, sau lấp bằng; nhưng cầu Ba Cẳng đến năm 1986 vẫn còn ngổ thấy chớ không phá bỏ.

Cái thứ nhứt là Cầu Bình Tây mấy năm về trước, còn chở chiếc xe điện Bình Tây qua Chợ Lớn Mới, cái thứ nhì là cầu đúc Bình Tiên. Kinh chỗ này gọi Kinh Hàng Bàng, vì khi xưa dọc hai bên bờ kinh có trồng cây bàng bóng to mát mẻ, thường có ghe chài đậu tại kinh này nhiều vì có ụ sửa ghe (sau lấp bằng trở nên Chợ Lớn mới). Hai dãy nhà hai bờ kinh phần nhiều là của người Tàu, nhà cất khít sát nhau chen chúc. Bản tính người đàn bà Tàu hay tiện tiện, đựng gì cũng cất để dành, xác mía, dăm bào không món nào muốn bỏ, nhưng đàn bà Tàu cũng có tánh rất lơ dểnh khinh thường, thêm trẻ con của người Tàu có tánh ưa chơi lửa, nên hỏa hoạn xảy ra thường. Khoảng đầu năm 1923, lối tháng giêng âm lịch, một cuộc hỏa tai tàn khốc chưa từng thấy xảy ra. Hai dãy nhà ngói và lá từ khoảng Cầu Bình Tây chạy suốt đến cầu đúc Bình Tiên đều làm môi cho lửa. Lửa gặp gió chiều càng mạnh dữ thêm, nên dân cư phần lo dọn đồ đạc, lớp lo công con dất mẹ, la khóc rùm trời. Sức lửa mau lẹ cứu cấp không xuể, lửa dồn người ta ra giữa đường và từng cơn gió, lửa tấp vào người một cách rừng rợn không tả xiết. Túng thế nạn nơn nhảy xuống kinh, nhưng than ôi nước dưới kinh lại nóng như sôi, nạn nơn chết quay còn chết luộc! Sáng ngày sau, đi ngang đây còn bay mùi khét, nào lợn, gà, bò nguyên con nằm chình ình chổng cẳng, nào dưa hấu nguyên vựa, khô cá gộc cháy nguyên kho, bày ra không ma trời nào lượm! Sau trận hỏa tai dữ tợn năm đó, có một đạo hèn lâu, không ai dám nhắc đến chuyện trở về lập cơ chỉ nơi chốn cũ: Kinh Hàng Bàng. Chánh phủ Pháp thừa dịp làm ra con đường ở vùng đó để xe miệt Hậu Giang bận lên chạy một chiều

vô Chợ Lớn, nên gọi đường Hậu Giang. Nhờ dấu vết cũ không còn, nên dân dạn lần mà trở về, đến nay mới có mòi phồn thịnh. Ngờ đâu năm 1945, quân đội Nhật đến đây, thiếu cây dùng, nên hạ lệnh đốn cây bàng cây me ở hai bên bờ Kinh Hàng Bàng và Rạch Lò Gốm để làm hầm nấp nơi Cầu Bình Điền, báo hại dân cư hai xóm, kẻ nào ra đường, bất luận mặc y phục Lang sa hay y phục Việt đều bị chúng lừa bắt đi kéo gỗ, khiến nhiều người phải chuôi mình xuống Rạch Lò Gốm, kết gỗ thành bè thả trôi ra xa, mới thoát khỏi tay bọn quân lùn.

Kể về kinh rạch còn có Kinh Lò Gốm (Canal des Poteries) ở vùng Rạch Cát và Kinh Đôi (Canal de Doublement), đào sau Kinh An Thông Hạ, cũng là một con đường thủy giúp ích rất nhiều cho sự thịnh vượng hai đô thị Sài Gòn và Chợ Lớn.

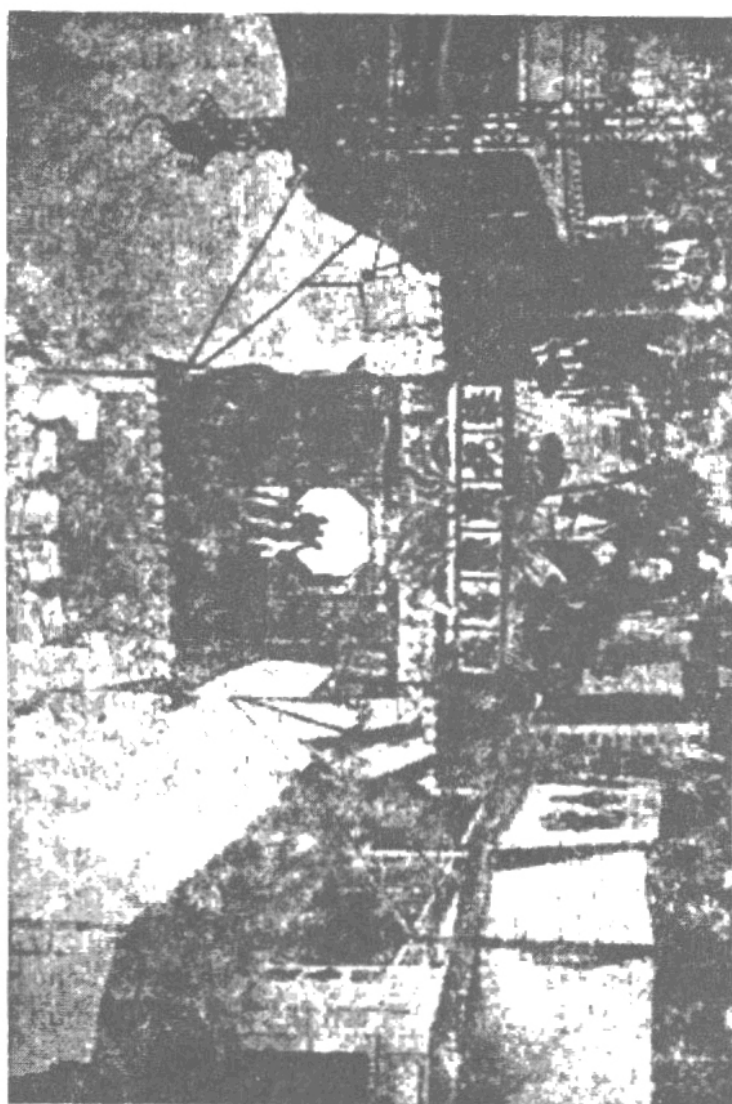
e) Nhà Xóm trong Chợ Lớn

Những xóm trong Chợ Lớn còn giữ được tên theo xưa, là:

- Xóm Than.
- Xóm Củi.
- Xóm Dầu (chuyên bán dầu phộng)

- Xóm Bàu Sen, gần Đồn Cây Mai. Thật ra là bàu lũ loạn, đầy cỏ rác, cỏ lục bình; sen không mọc nữa. Đường lộn với Bàu Sen đường Võ Tánh nay là đường Nguyễn Trãi, miệt Chợ Quán.

Hình XIII



*Đường Quảng Đông Nhai (Triệu Quang Phục) một ngày lễ kỷ niệm lập Trung
Hoa Dân Quốc, chốn vui thê hệ dăng cừ*

- Xóm Giá, làm giá đậu xanh ở gần Cầu Cây Gõ. Làm nghề này phải thức khuya dậy sớm. Từ hai giờ khuya đến năm giờ sáng phải xuống sông đãi giá, làm cho sạch vỏ đậu xanh còn đeo theo, để kịp tang tảng sáng có bán tại chợ. Mỗi người đãi đậu có đem theo một ngọn đèn, nên quang cảnh khúc sông giữa đêm khuya thật rộn rịp vui mắt. Gặp chầu chợ Tết thì cảnh càng tưng bừng, náo nhiệt suốt đêm.

- Xóm Lò Bún, gần giếng Hộ Tùng.

- Xóm Phú Giáo, khi xưa giáo mắm, (gần Đồn Cây Mai).

- Xóm Rẫy Cải của người Tiều (Triều Châu), ở hai bên lộ đi Lục Tỉnh, (Người Tiều trước kia có sắm xe hai ngựa để chở cải ra các chợ Sài Gòn, Chợ Lớn, Bình Đông, Bình Tây, thứ xe này nay không thấy họ dùng nữa, đổi lại còn thấy ta dùng chở cá, chở đồ khi dọn nhà. Ta nay gọi đó là “xe cá”, (*xe cá chiếc*, thặng một ngựa, *xe cá đôi*, hai ngựa), và quên rằng sơ khởi đó là xe cải của Tiều bày ra.

- Xóm Ụ Ghe (Chợ Lớn Mới)

- Xóm Cây Cui (Bình Đông)

Khi xe lửa điện đường mé sông còn chạy, trong các xóm có xe chạy ngang, công ty Pháp lựa tên cũ đặt cho các trạm xe đổ, tên Việt kèm tên Pháp, và hình dung bằng một ám hiệu tượng trưng, vừa treo trên nhà ga vừa in trên vé tàu, như gare Jaccaré là “trạm Xóm Củi”, ám hiệu “cây bò cào sắt” v,v...

**f) Con đường Sài Gòn vô Chợ Lớn,
tục danh Đường Trên (Route Haute)**

Đường trên (Route Haute), xưa do ông Olivier de Puymanue phóng hoa tiêu, để nối liền Sài Gòn vô Chợ Lớn đối chiếu với Đường Dưới (Route Basse) ngã Mé sông.

Xưa có hai đường xe lửa nối liền Sài Gòn vô Chợ Lớn.

A. *Một đường Mé sông*, xe chạy bằng than củi, tải vận hàng hóa và trái cây miệt Lái Thiêu, trạm chánh trước Chợ Bến Thành, nay làm Bót Cảnh Sát. Xe chạy hai ngã:

1) Trước chạy từ Chợ Bến Thành, bọc đại lộ De la Somme (nay là Hàm Nghi), dọc theo mé sông tới đường Luro (Cường Để), lên trạm Hàng Sao (đường Mạc Đình Chi), quẹo Phan Đình Phùng (nay Nguyễn Đình Chiểu), Đình Tiên Hoàng, ghé qua Đất Hộ, thẳng vô Gia Định, trạm chót Lái Thiêu.

Sau đổi bỏ đoạn đường bọc “de la Somme dọc theo mé sông tới đường Luro đến Đất Hộ” kể trên, sửa lại xe chạy từ Chợ Bến Thành chạy dọc theo đường Bonard khỏi Catinat quẹo sau Nhà hát Tây trở ra đường Paul Blanchy (nay là đường Hai Bà Trưng), chạy lên Đất Hộ, Gia Định, Lái Thiêu.

2) Xe đổ ga chánh Chợ Bến Thành, rồi chạy vô Chợ Lớn, trạm chót là ga Bình Tây.

B. *Một đường gọi xe lửa giữa*, trước chạy than củi,

sau chạy điện. Xe chở bộ hành nhiều hơn hàng hóa, bắt đầu từ ga Chợ Cũ Sài Gòn, đổ ra Chợ Mới Bến Thành, rồi chạy cặp với đường tàu hỏa Sài Gòn - Mỹ Tho dài theo đường Phạm Viết Chánh, Nguyễn Hoàng, thẳng đến ga An Bình, chạy dọc theo đường Thủy Bình (nay Đồng Khánh), bọc theo đường Tổng đốc Phương trở ra ga chót là ga Chợ Cũ Chợ Lớn (ga Rodier, nổi danh xưa điểm móc túi nhiều và tài nhút). Đi xe đường này đã là sang: Vé hạng nhút Sài Gòn vô Chợ Lớn là một hào bạc (0\$10) được ngồi băng dài có trải nệm bố trắng. Hạng nhì sáu chiêm tây (0\$06). Đường chỉ non sáu cây số ngàn (6km) mà chạy hơn ba mươi phút mới đến nơi, có đủ hỷ, nộ, ai, lạc; vui vì xe chạy một đổi, thấy di tích Đồng Tập Trận mênh mông (nay là đại lộ Lý Thái Tổ) và nếu là buổi trưa, sẽ được ngắm cảnh người Tàu ngủ gà ngủ gật trên xe, buồn là có khi nội khúc đường ấy đã bị điểm giựt tiền nhảy xe, hay anh chị móc túi. Sách nói khi xưa, làm con đường này gặp nhiều mồ mả, (ấp chôn Đồng Tập Trận cũ), Lang sa có lệ phát ba quan tiền và một xấp vải cho mỗi ngôi mộ và mả bị cải táng.

a) Sau bỏ con đường này và xe chạy củi. Thay vào bằng xe điện và đường xe chạy từ Chợ Bến Thành dài theo khoảng giữa con đường Trần Hưng Đạo, đến đường Đồng Khánh, Tổng đốc Phương và trạm chót là ga Rodier. Đường sắt này đã bãi bỏ hồi năm 1953 và qua năm 1954

- (1) Còn một đường xe lửa nhỏ nối liền Chợ Đất Hộ (Đa Kao) qua Chợ Tân Định, chạy dài theo con đường Paul Bert (Trần Quang Khải). Sơ khởi chạy không lấy tiền, sau phải thâu tượng trưng mỗi chuyến một xu, để tránh nạn tré nít lên ngồi choán chỗ khách bộ hành phải đứng!

được khóa lấp nhựa (1).

Ba bốn mươi năm về trước, hai bên đường xe lửa giữa có trồng xoài và mít chen lộn nhau, tàn lá sum sê bóng rợp, đến nay vì lần hồi mở mang đường ra rộng lớn đủ phương tiện lưu thông nên không còn gốc đại thọ nào sót lại, có còn chăng là những danh từ khêu gợi: Xóm Vườn Xoài Bà Lớn (mộ phần của gia tộc Đỗ Hữu Phương) trên đường Phan Thanh Giản (nay là Điện Biên Phủ) Xóm Vườn Mít (xưa dân nghèo lấy hạt mít xay ra bột, bán: xóm nầy truy ra ở lối Taberd-Mac-Mahon cũ (chỗ Bộ Tư pháp hiện nay) và đùng lộn với một xóm mít ở trên Phú Nhuận, đường Võ Di Nguy nối dài).

Gần Ngã Sáu đường Võ Tánh (Nguyễn Trãi), còn thấy ngày nay ngôi mộ Lê Văn Gấm tử đạo đời Thiệu trị, bị hành hình lối năm 1847. Mộ này nay nhà phố xung quanh che gần bít mắt và mộ ở lún sụt xuống thấp hơn mặt đường lộ có một thước sâu, suy ra đường và phố mãi đắp lên cho khỏi ngập lụt nay mới cao làm vậy, còn đất xóm nầy khi xưa lấy mực mộ Lái Gấm là đủ biết thấp và nước thế nào.

Học giả Trương Vĩnh Ký chép rằng xưa tại chỗ Khâm Lớn cũ, gần bên Tòa Pháp đình, thuở đó có một cái chợ tục danh “Chợ Da Còm”, tức là chợ nhóm dưới gốc một cây da nhánh còm lá gie khòm xuống mặt đất. Xưa đây là xóm bán trống, bán lợn, yên ngựa, và mao Tú tài.

Nhắc đến cây da, còn thấy gần Tòa Pháp đình, phía góc đường Nguyễn Du và Nguyễn Trung Trực, có mấy gốc đã lâu đời, có dính líu với “cây da còm” xưa chăng?

Tiếp theo Chợ Da Còm, có Chợ Đũi (bán đũi, bán lụa, v.v...). Thuở cụ Trương Vĩnh Ký còn sanh tiền, thì Chợ Đũi ăn dài từ xóm Boresse giáp qua đường xe lửa Sài

Gòn-Mỹ Tho. Khởi Chợ Đũi là Xóm Đệm Buồm rồi tới Xóm Thuận Kiều (1).

Còn nói về vùng Chợ Mới như ngày nay ta thấy, xưa kia lại là một ao sinh lầy nước đọng. Như đã nói rồi, năm 1913, người Pháp lấy ao vũng xây nhà chợ có làm lễ lạc thành trọng thể gọi lễ “khai tân thị”. Chợ này ở gần chỗ bến nước của thành xưa nên gọi “Chợ Bến Thành” cho đến nay vẫn còn gọi như thế. Ngày khai mạc có chưng “cộ bảy bang” (2) có cộ bong hình “Quan Âm tay xách giỏ cá”, hình “Hong Hải Nhi cầm quạt Ba tiêu chấp tay bái Phật Bà” toàn do đồng nam đồng nữ tình nguyện chịu cho các thợ bong hình thế nộm giấy, cả ngày đứng trên một cột

(1) Danh từ “Thuận Kiều”, trong vài sách Pháp lại viết “Tong Keou” khiến chúng ta hoang mang; kẻ dịch “Đồng Kiều”, người rằng “Đồng Khẩu”. Trong quyển *Histoire de l'expédition de Cochinchine* của Pallu de la Barriere, danh từ “Đồng Cháy”, Pháp viết “Done Chai”, thiết là “bí lù”. Trong quyển *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, trang 93, tác giả kể “les forts de Nghia, de Biguekague, et de Kiala, ceux de Tangray et de Tanky” (de Bazancourt p. 307 - 308). Il est difficile en raison de l'orthographe apdaoptée par l'auteur, de savoir où se trouvaient ces ouvrages” (B.S.E.I Octobre Décembre 1935, p.93). Theo tôi, tôi định cho đây là những đồn: đồn Nghia, đồn Bình Khánh, đồn Chà Là, đồn Tân Ngai, đồn Tân Kỳ, định vậy nhưng còn các học giả uyên thâm phủ chính.

Về chú thích (1), xin nói rằng lối ghi âm ngày của xưa người Pháp không liên quan gì mấy với mục khảo cứu này, nhưng xét cho cùng xin dẫn ra đây để bớt hoang mang hỗn độn trong trí óc non một phần nào.)

(2) Bảy bang có phải: Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hakas (Khách gia, Hẹ), Hải Nam, Chettys, Chà Và (gồm người mập lè “Pakistanais”, người Hồi “Mahométans” chăng? Khó trả lời dứt khoát, vì xưa chưa có người Tàu tỉnh Bắc Kinh và Tô Châu và các tỉnh khác qua đây. Bảy bang là bảy bang Trung Hoa hay pha lộn bảy bang người ngoại kiều như trên; tức liệt người Ấn Độ, khác tôn giáo, khác phong tục, chung hàng ngũ với người Trung Hoa? Kẻ ăn thịt mỡ; người chừa thịt heo, thế mà khi xưa người Pháp ép nhập nhau, lạ thật?

sắt nhỏ có hoa lá che kín, chân tay tê liệt vì không cử động được. Lại có múa lân, thí võ, hát Triều Châu, hát Quảng Đông và hát bội diễn ngoài trời, cộ đèn, cộ bông, nhạc ngũ âm, và nhạc “mủ dích” Pháp. Sánh với ngày nay, thì cuộc lễ rất tầm thường, nhưng vào thời ấy tiếng đồn khắp Lục Tỉnh, đâu đâu cũng nô nức kéo nhau về Sài Gòn. Có câu: *Xem được lễ Tết tân thị một lần chết cũng sướng thân!* Mà đi thì đi chỉ có đường thủy là tiện. Nhắc lại thuở đó, có tàu “Lục Tỉnh” chạy từ Sài Gòn. Lên Nam Vang trải qua các chợ như Mỹ Tho, Vĩnh Long, Châu Đốc v.v... Tàu nhỏ hơn chạy miệt Hậu Giang thì có tàu Pélican, Sarcelle, Cormoran của hãng Messageries Fluviales tục gọi hãng tàu Nam Vang, chạy khởi hành từ Mỹ Tho xuống Bạc Liêu đi qua các chợ như Chợ Gạo, Tam Bình, Trà Ôn, Cần Thơ, Phụng Hiệp, Sóc Trăng, Bãi Xàu, Cổ Cò v.v... và tàu khác đường Mỹ Tho - Rạch Giá. Hãng tàu các chú cũng chạy kinh một đường với tàu Tây. Về sau mới có ông Phán Nuôi ở Vĩnh Long sắm tàu chạy nhưng không tranh đua cùng hai hãng Tây, Tàu. Đường Bộ thời ấy (trước năm 1913) chưa được thông thương, vì chưa có cầu bắc qua sông lớn. Bởi cho nên, như đã nói rồi nhờ vị trí trên bờ có xe lửa nối liền với thủ đô, dưới sông có tàu thuyền chạy Lục Tỉnh, Mỹ Tho thời ấy chỉ nhượng có một Sài Gòn.

Nhắc lại lễ khai tân thị chợ Bến Thành năm đó (mars 1914) đã phá kỷ lục về hội hè vui vẻ. Ông già bà cả từng mục kích lễ này đến nay còn nhắc, và tự hào chứng kiến một “Tân Vương Hội” (danh từ của các báo thời ấy dùng).

Tục lệ thành Sài Gòn và Chợ Lớn, cho đến về sau lâu lắm mới dẹp là dân trong thành phố hễ quá mười giờ đêm muốn ra đường phải xách theo một lồng đèn, lại nữa riêng Chợ Lớn, xóm của gái điếm cũng gọi “Xóm Lồng Đèn”, đã là xóm huê nương tức nhiên phải về khuya, khách làng chơi cơm nước phủ phê rồi mới xách lồng đèn đến thăm sự ấy cũng dễ hiểu.

g) Nay xin trở lại đường Thuận Kiều

Từ đây đến “Sở Nuôi Ngựa” cũ của nhà binh Pháp tức trong trại “Ô Ma” đường Võ Tánh (Nguyễn Trãi) thì là chợ Điều Khiển” do một ông Điều Khiển tạo lập (1). Khỏi

(1) Truy ra *Điều Khiển* là một chức quan võ cầm binh đánh giặc thuở trước đời Gia Long. Thuở ấy thành lũy tại Sài Gòn chưa có cho nên chỗ ông Điều Khiển đồn binh hạ trại thì gọi là *Đồn dinh*. Danh từ “Điều Khiển” và “Đồn dinh” đã tùy thời thế tùy địa lợi mà thay đổi xê dịch, khi thấy sách tá “đóng đồn bên kia Tân Thuận”, khi lại ghi “ở bên này sông Thị Nghè” chúng ta không nên thắc mắc như nhiều tác giả ngoại quốc, không nên qươc dừa cả nắm như một sử gia Pháp, cắt nghĩa: “Đồn dinh” là chỗ đóng binh, là dinh trại của “Đông Định Vương Nguyễn Văn Lữ”! *Sở Nuôi Ngựa “haras”*. Luôn tiện nên nói là “Sơ Nuôi Ngựa” như trong tập “Ký ức lục” của cụ Trương Vĩnh Ký thường kể lại, theo tôi ắt ở vùng gần nền chùa cũ “Kim Chương Tự” chữ viết “Kim Chung Tự” trong bản đồ Trần Văn Học còn chỗ khác viết Kim Chương, không biết danh từ nào đúng. Đây là một Sở nuôi ngựa của một nhà binh Pháp, họ đóng binh ở đâu là họ đặt sở nuôi ngựa của họ gần đó cho tiện, chớ Sở nuôi ngựa “xa vịnh” (civit) thời kỳ ấy chưa có (mới lập nghe đâu lối năm 1913).

Maison Blancsubé : Cụ Trương Vĩnh Ký trong *Souvenirs historiques* thường nhắc nhà Blancsubé làm căn cứ phăng cho ra mỗi các địa điểm khác. Tôi có (xem tiếp trang 145)

chợ Điều Khiển là đến “Chợ Cây Da Thằng Mọi”. Gọi làm vậy nhưng khoan vội tưởng rằng đây là một nhà chợ do một người Mọi nào đó đứng ra xây cất. Sự thật là tại chợ này thường thấy bày một món hàng không đâu có bán: ấy là một thứ đèn thấp dầu phộng hay dầu dừa làm bằng đất nung, nắn hình một người Chàm (ông Phỗng): hai chân quỳ, hai tay chấp lại, trên đầu đội thếp dầu. Trong tập “Cổ Gia Định vịnh”, có câu:

“Cây Da thằng mọi, coi bán đủ thuốc xiêm cau mít.
Cái cầu Cao Mên, thấy làm nguyên cột vấp ván trai.

(Đây là thuốc lá xắt và ướp kiểu người Xiêm dùng.

Cau mít là cau trái để già, nấu kẹo như mít, người Thổ rất thích ăn. Hai món là gia vị đặc biệt trong miếng trầu thời xưa, nay đã ít được thấy, không khác “cây đèn thằng Mọi”).

Khỏi Chợ Cây Da Thằng Mọi, có một cánh đồng rộng lớn trống trải và cây cỏ mọc tùm lùm nhiều chỗ. Ngày nay nhà cửa cất lấp bít bùng không còn nhìn được nơi nào, chỗ xưa kia đây là “Đồng Tập Trận” cũng gọi là *Mả Ngụy* hay

hỏi thăm Sở Địa chánh cũng như Sở Tạo tác, Sở Kiến thiết Đô Thành, không đâu biết nhà nấy xưa tọa lạc tại đâu. Căn cứ vào tài liệu nhiều nơi, tôi định chứng nhà Blancsubé ở lối đường Verdun cũ, khỏi chợ Đũi nhưng chưa tới Rạch và Mỏ phần ông Nhiều Lộc, mả đá Nhiều Lộc nay tìm ra trong đất xóm sân bay nơi rộng đường Chi Lăng (Phan Đăng Lưu) giữa khoảng ngã tư Chi Lăng - Ngõ Đình Khôi và Chi Lăng - Võ Di Nguy. Xin chờ các bậc lão thành phủ chính.

Mã Biên Tru (1) Nơi đây vua Minh Mạng đã sai chặt đầu ném thây chôn chung một huyết mả (đến nay mặc dầu đào móng cát nhà vẫn chưa tìm gặp) cả thấy đến 1.137 người (2) già trẻ bé lớn, đàn ông đàn bà lộn lạo, khếp vào tội phản nghịch, theo giặc Khôi ở lại trong thành, chống binh lính triều đình ba năm (1832 - 1835) (3).

Như đã nói rồi nơi mục chú thích về Sở nuôi ngựa, sở này cất trên một ngôi chùa cũ gọi "Kim Chương Tự" (Kim Chung Tự). Chùa này lại xây trên một nền chùa Thổ đã có trước đời Gia Long. Theo cụ Trương Vĩnh Ký, thì chúa Duệ Tông bị Tây Sơn bắt tại vùng Ba Khắc (thuộc Cà Mau) và chúa Mục Vương bị bắt tại Ba Vác (thuộc Bến Tre

-
- (1) Danh từ "Mã Ngụy" bây giờ thỉnh thoảng còn nghe trong dân gian dùng trong nguyên rủa độc địa: "Đồ Mã Ngụy đầu thai" để trách những đứa con ngỗ nghịch, bất hiếu cãi lời cha mẹ. V.H.S

Còn đây là chỗ thích của Ông Đặng Văn Ký, tự Minh Tái, học giả ở Gò Vấp. *Mã Ngụy Khôi*: Chỗ ngã tư (Verdun cũ) Lê Văn Duyệt (Cách Mạng Tháng Tám) và Phan Thanh Giản (Điện Biên Phủ) khoảng Bình Dân Bệnh viện. Từ đường Lê Văn Duyệt vào Chợ Lớn, Mã Ngụy nằm mé tay mặt. Cứ hỏi bà Đặng Thị Sinh, là người có cư tại đó thì rõ. Bà năm nay bảy mươi ngoài tuổi, người sanh trưởng tại làng Hòa Hưng cũ" (Minh Tái).

- (2) Ông Lê Văn Khôi, tác giả một cuốn sử Việt bằng Pháp văn rất hay, rất đầy đủ, cẩn thận hơn, viết "prés de 2000..." (số bị hạ sát dưới 2.000 người).
- (3) Khôi là người Nùng, Tả quân bắt được, thương tài, không giết, nuôi làm dưỡng tử cho ăn họ Lê Khôi, võ nghệ tuyệt luân, tay không hạ cộp trước mặt sứ thần Xiêm La quốc. Tả quân ty trấn, Khôi không chịu nổi cử chỉ đê hèn của vài ô quan nên dậy giặc, giết quan triều đình, chống binh chính phủ, cự địch ba năm. Sau Khôi bị chết, triều đình mới hạ được thành Sài Gòn. Minh Mạng chưa hả cơn giận, sai phá thành bình địa và làm cỏ dân vô tội một cách tàn nhẫn.
-

gắn Mỏ Cày) đều bị hành quyết gần Kim Chương Tự, lối năm 1776 (1).

Còn tại thành lính tập Ô Ma (Camp des Mares) thì có miếu thờ các công thần nhà Nguyễn, lập năm 1804, chữ gọi "Hiển Trung Từ". Nơi đây xưa có bài vị thờ tất cả 1015 tử sĩ liêu minh vì nước trong các trận chống Tây Sơn, trong số đó có một võ tướng quốc tịch Pháp tử trận Thị Nại, ta gọi ông Mạnh Hòe (Manuel). Miếu này đã ghi vào bộ các cổ tích Trường Viễn Đông Bác Cổ; năm 1927, chùa này được Trường Bác Cổ xuất tiền trùng tu lại tử tế; qua năm 1939, triều đình Huế có biệt phái một đại thần vào đây tế tự (ngày 10 tháng 11 d.l). Tang thương biến đổi, đến thời binh Nhứt hoành hành một lúc... Chùa đã hư tệ sản, thêm các lính tập đạo binh Lang sa phá phách, hầu hết những bài vị đều xiêu lạc. Vợ con binh lính đến ăn ở nơi đây không lòng bảo tồn, nên chùa mau điêu tàn. Đến lượt đạo binh viễn chinh Pháp trở lại chiếm Thành Ô Ma sau khi Nhứt đầu hàng, thì họ triệt hạ Hiển Trung Từ lúc nào không rõ ất, bất chấp đó là di tích hiếm có trong Nam. Kịp đến khi Pháp giao trả thành Ô Ma cho Việt Nam Cộng Hòa, thì đền Hiển Trung chỉ còn là một danh

(1) Đây là một đoạn sử bị thắm. Duệ Tông và Mục Vương bị binh Tây Sơn bắt một phần lớn là tại Đỗ Thành Nhơn bắt hòa cùng một tướng Tàu. Tướng này đã đầu hàng Chúa Nguyễn, tên Lý Tài có chôn trong một hội kín, kiểu như "Thiên Địa Hội" sau này. Xét ra nếu Lý Tài và Đỗ Thành Nhơn biết liên kết thì Nguyễn Chúa chưa bị bắt, Tây Sơn chưa mạnh thế như sau, việc trong Nam đã thay đổi khác. Một điều khác là trong đạo binh Nguyễn Huệ đánh binh Thanh sau này có trà trộn một phần binh Minh tiếp tay nhưng không ra mặt.

từ hào trong trí nhớ của người hiếu cổ.

Lại nữa, trong tập ký ức của cụ Trương Vĩnh Ký, còn nhắc một cổ miếu tại thành Ô Ma này, danh gọi “Miếu Hội Đồng” (thờ đủ chư vị), cũng gọi là “Miếu Thánh”, có trước đời Gia Long. Tập ký ức cho ta biết thêm rằng vị trí miếu này ở giữa hai hào sen lớn. Nhưng năm 1885, võ quan Pháp chiếm cứ miếu này làm nơi ăn ở, thành thử lâu ngày miếu xưa mất tích, nay không còn biết rõ chắc xưa ở nơi nào. Cụ Trương Vĩnh Ký nhắc lại chính trước Hiển Trung Từ và Miếu Hội Đồng, ngoài Lộ cái, thuở cựu trào có xây hai cột gạch và đá, một đề *Khuynh Cái* (ngiên lọng nghiêng dù), một đề “Hạ Mã” (xuống ngựa), nay di tích ở đâu? (xem bản đồ).

Lại còn một ngôi chùa khác nữa gọi “Chùa Ông Phúc”, cũng gọi là “Chùa Phật Lớn”, trong tập ký ức ghi ở bục theo một lộ nhỏ dài theo bờ ao sen lớn thành Ô Ma, thì cụ Trương Vĩnh Ký đã nhìn nhận mất tích từ năm 1885 vậy.

Khỏi một cống nước ăn thông với ngọn Rạch Cầu Bà Đô, thì xưa kia có hai ngôi mộ khá to, tương truyền là mộ phần của hai hoàng tử con của Nguyễn Văn Nhạc tục gọi là “Mộ Hoàng Thùy” và “Mộ Hoàng Trớt”, nay đã không còn vì có lẽ đã bị phá bỏ từ lâu để xây cất nhà phố, đâu còn cháu con dòng họ để nhìn nhận? Thậm chí tiếng đồn trước kia tại Rạch Bà Đô, có một cái chợ, vì nhóm họp buổi sáng nên danh gọi là “Chợ Mai” nay cũng không biết xưa tọa lạc chốn nào? Rạch Bà Đô, di tích tồn tại đến năm 1959, còn dấu cũ con rạch nước dơ, nay đã lấp đi, nhường chỗ cho một trạm bán xăng, đường Trần Hưng Đạo, ngó xéo qua đại lộ Cộng Hòa (Nguyễn Văn Cừ).

Con đường ngang Nhà Thờ Chợ Quán có hai ngôi chùa, một gọi “Kim Tiên Tự”, sau đổi lại là “Nhơn Sơn Tự” một cái khác nữa gọi “Chùa Gia Điền”. Hai chùa này đã không còn từ năm 1885.

Từ Chợ Quán trở vô Chợ Lớn thì đầu tiên gặp “Xóm Bột”, ngày ngày phơi trắng dĩa tận lề đường vô số những bột mì, bột đậu, bột lọc, bột khoai v.v... Đi tới nữa thì gặp “Chợ Hôm”, nhóm chiều tối, để đối với “Chợ Mai” đã nói đoạn trên.

Sau Chợ Hôm, có một ngôi chùa thờ một vị tướng lãnh của Cao Hoàng, bị Tây Sơn giết, không biết tên, chỉ ghi họ Trần. Chùa “Trần Tướng” ở đâu cũng không ai biết (1).

Trên một con rạch nhỏ, gần một nghĩa địa người Tàu có một cái cầu, gọi “Cầu Linh Yển”. Yển là một quân sĩ trung thành của Nguyễn Chúa, một hôm công vua trên vai, chạy đến đây thì ngộ nạn. Chúa được một lực sĩ thay vai công chạy vượt, Yển bị Tây Sơn giết. Chúa Nguyễn thương tiếc lắm, sau tức vị sai dân sở tại lập miếu thờ

(1) Trong *Đại Nam Nhất thống chí*, quyển 2, bản dịch Nguyễn Tào, thấy trang 79 như vậy: *Trần Tướng quân từ*: - Ở địa phận thôn “Tòng Chính huyện Bình Dương. Tướng quân họ Trần, tên Thương Xuyên, người Quảng Đông, làm chức Tổng Binh đời Minh, Minh mất, không chịu thần phục vua nhà Thanh. Nên quy phục bản triều, đánh Cao Man có công, lại lập chợ phố ở Sài Gòn (xin hiểu là Chợ Lớn ngày nay) chiêu tụ thương khách, người đời sau nhớ công đức lập đền thờ, trong niên hiệu Minh Mạng, Thiệu Trị, đều phong làm thượng đẳng thần, đến nay xã dân phụng tự, hương hỏa như xưa”. Có phải chùa “Trần Tướng” và “Trần Tướng quân từ” vẫn là một hay chăng? Dầu sao hai chùa đã mất tích từ năm 1885.

Yến. Trong sách ghi miếu thuộc xóm Tân Thuận, cũng có tên khác là “Hàm Luông”.

Gần nơi đây, thuở xưa, có một gốc me thật lớn, dưới bóng râm có lập một quán chuyên bán bánh nghệ, nên tục danh là “Quán Bánh Nghệ”. Cũng vì cây me ấy, nên xóm này gọi “Xóm Cây Me Mát”.

Đường Đồng Khánh (Marins) cũ có hai xóm là “Xóm Cốm” và “Xóm Chả”. Mặc dầu nay đã có tên Việt (Đồng Khánh), đường Marins xưa vẫn có một tên riêng rất nên thơ là “Hàng Cháo Muối”, cho đến nay người cổ cựu đất Chợ Lớn vẫn quen dùng chưa bỏ. Truy ra ở đây lúc trước có một người Triều Châu khuya khuya gánh “cháo muối” (1) bán dài theo con đường này. Món hàng rẻ tiền, vừa nóng vừa ngon, đã giúp ông “đanh lưu hậu đại”. Cũng như đường Tân Đà, thuở trước, mì cháo đều ngon, có thứ tép lăn bột chiên nguyên con, và cháo “bào ngư” thật ngọt. Ngày nay đã cấm bán rong ngoài đường, những thức “ăn khuya” đặc biệt này mất, và mất luôn “những thú phong lưu” cựu thời của bọn sành ăn! Trong kẹt đường Đồng Khánh, gần đầu cầu Chà Và vài ba mươi năm trước, có một lão Tiêu gánh bán cháo khô cá hường ăn với cái “tăng ô”. Đền nhá nhem, người bu đông đến mức cháo không kịp bán, thêm tuổi vừa đôi mươi “ăn sắt cũng tiêu”!, ghé bàn không có, mỗi người tự tiện lấy húp ngon lành, ngó mặt nhau vẫn

(1) Cháo muối: thứ cháo trắng nấu thật nhừ, với tằm xay nhỏ, trong cháo lỏng bông có vài trái bạch quả, cũng gọi “bạch quả chúc”. Người Quảng Đông thích ăn cháo muối sau một đêm thức trắng, vì nhẹ tiêu mau khỏe con người.

quen quen: Cô Ba Trà, ông Cò Mì Kính và tứ đây, kẻ còn, người mất, đũa bạc đầu!

h) Cầu Đường, Cầu Khâm Sai, Chùa Cây Mai

Nay thử bắt từ trong Chợ Lớn kể ra. Về phía bên kia “Đường Trên” (Route Haute), lần lượt ta gặp: Nghe nói lại. Lối năm 1885, thì chợ cũ ở vào xóm nhà Dương đường Chợ Rẫy, nay chỉ còn trơ một danh trơn và đây có lẽ là một chợ hồi đời trước, đến trào Pháp lại đẹp đi. Trước Dương đường Chợ Rẫy, xưa kia có một ngôi mộ cổ bằng vôi, kiểu chạm trổ rất khéo, tương truyền là của một ông hầu tước họ Đỗ (Tombeau du marquis de Đỗ). Trường Viễn Đông Bác Cổ đã xin liệt kê làm cổ tích, nhưng chủ đất là người có thế lực, một hai xin phá để cất phố xá, và viên Toàn quyền Decoux ưng lời, thiệt là rất tiếc cho một cổ tích không người ủng hộ. Một phần họ Đỗ này có dính líu chẳng với Tả quân phu nhơn, tên tộc là Đỗ Thị Phấn. Tương truyền khi Lê Tả quân bị tội, phu nhơn về ngụ nơi xóm Chợ Rẫy, trong một ngôi chùa Phật, do bà mẹ năm xưa đứng tạo lập, và tục danh là Chùa Bà Dội.

Từ con đường Cháo Muối (Đồng Khánh) xuống một con kinh, sau lấp đi biến thành đại lộ Tổng Đốc Phương, thì có xóm người “Minh Hương”, ngày nay còn sót lại một di tích nguy nga tráng lệ là chùa “Minh Hương Gia Thạnh”, tạo lập năm 1788, về sau có tu bổ lại nhiều lần. Chùa này nằm trên đường Đồng Khánh, day mặt ngó qua Bót Cái Quận Tư (nay đổi làm Quận Năm). Trong chùa còn giữ

được đạo sắc thần của vua phong (1), cùng bài vị sơn son thếp vàng của các ông Trần Thắng Tài, Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tịnh, Vương Hữu Quang, và bút tích liên đối do tay Trịnh Hoài Đức viết. Đây là một xóm kỳ cựu nhứt và hiệp với xóm Chùa Quan Võ, đường Triệu Quang Phục (Quảng Tổng Cái cũ), là trung tâm buôn bán của cựu Chợ Lớn ngày xưa. Ông Trương Vĩnh Ký nhắc năm 1885 tại đây có nhiều nhà buôn giàu có, vách xây gạch hai mươi, nóc có phong tô, lợp ngói lãn ống y một kiểu kiến trúc như bên Trung Quốc, nay xem lại nhiều nhà vẫn còn y như cũ.

Các nhà buôn lớn, người Tàu xưng “Tàu khậu”, do danh từ 土庫 (Thổ khố) (nhà trữ hàng hóa) phát âm giọng Triều Châu Phước Kiến. Cũng có khi họ dùng danh từ 大庫 (Đại Khố) (đồng một nghĩa). Khi khác họ tâng nhau, xưng Tàu kê 大耶 (Đại Gia), tỷ dụ như... Chà Đen cho vay bạc, tức chà chetty, cũng xưng “Tàu kê mập”, “Tàu kê ốm”, Chà bán vải cũng xưng “Tàu kê bán vải”, thậm chí mù tú bà cũng bắt gọi mình là “Mụ Tàu kê” và oái oăm thay, “hạng lãnh giấy số ở nhà má” hẳn đòi để treo giá ngọc, cũng xưng mình là “con gái nhà đại gia”, “gái Tàu kê” chính cống!

Mỗi năm cứ đến mùa gió thuận, thì thuyền buồm

(1) Tài liệu này tôi viết theo nhiều sách cũ, nhưng năm 1960, tôi gặp bạn học năm xưa trường Chasseloup, là ông Kha Vạn Lượng, làm chủ ban quản trị chùa (Minh Hương Gia Thạnh) thì ông cải chính rằng trong chùa không có sắc vua, vì đây là “người gốc Tàu nên vua Việt không sắc phong được” (sie). Ông Kh.V.L thêm rằng trong chùa thờ hai chữ đại tự “Long Phi” là chỉ thờ vua Minh đó, và nghĩ cho điển này qua lọt mắt người Mân Thanh vào thời ấy, cũng lạ vậy thay. (V.H.S)

miệt Sơn Đầu (Swa-tow) chở hàng từ Trung Hoa sang đất Việt đổi chác lạng xăng: cam Quảng (Quảng Đông), cam Tiêu (Triều Châu), hồng khô, kim quýt kiếng, hành lựa Bắc Thảo, v.v... (Bắc Thảo 北草) thảo là “đầu”, nói giọng Phước Kiến.

Ở gần vùng này, trong sách còn ghi một cái cầu danh gọi Cầu Đường, vì ở xóm bán đường phèn, đường thẻ, đường hạ, đường cát, đường phổi, đủ thứ. Cầu Đường này nối liền hai cái chợ:

- Một chợ nhà lồng hình tam giác, trong chợ bán đủ món, dọc ba bên có tiệm چاپ phở Huế kiểu tấp nập, (nay là chợ đã nhường chỗ cho nhà Bưu điện Chợ Lớn).

- Một chợ hình chữ nhật, từ Cầu Đường đến đường Thủy Bình, nay trở nên một đoạn của con đại lộ Tổng Đốc Phương. Và ngày nay Rạch Chợ Lớn cũng gọi Rạch Cầu Đường cũng biến thành đại lộ Gaudot, và nhà “Thông Hiệp” của Quách Đàm chính ở đây day mặt tiền ra Rạch Cầu Đường (Rạch Chợ Lớn) với cái mộng “phong thủy đầu Rồng”.

Từ Cầu Đường vô Cầu Khâm Sai, trên đường Gò Công, cũng gọi Cầu Khâm Sai hay Cầu Ba Miếng, nhà cửa nối liền san sát xem rất ngoạn mục. Xóm Lò Gốm ở ném về làng Phú Lâm, trên một con kinh thông ra Ngã Tư, đầu kia chạy tới Cầu Khâm Sai, dân trong xóm sanh nhai bằng nghề làm đồ gốm, ngói gạch, chậu kiếng, lu mái, đòn sành để chậu kiếng v.v...

Tại ngã tư, đầu đường Cây Mai cũ (nay Nguyễn Trãi) xưa có một cái cầu danh gọi “Cầu Phở” vì hắc trong con

đường “Phố Xếp”, là đường Tổng Đốc Phương hiện nay, nơi đây có kinh và nhà Đỗ Hữu Phương, nay kinh đã lấp, nhà họ Đỗ đã bán cho người Tàu dỡ mất và thế vào là nhà phố lầu cao ngất, tửu quán, ciné. Kinh Cầu Phố hồi đó gọi là “Kinh và Đường Phố Xếp”. Thân trên Chùa Bà (thờ bà Thiên Hậu Thánh Mẫu), dọc đường lên Cầu Phố, xưa có một cái giếng, tục gọi nôm na “Giếng Chùa Bà” hoặc “Giếng Bộng”. Có danh là nước tốt và ngọt hiền nên các nhà văn như thuở ấy đặt là “Giếng Cam Tuyền”.

Dài theo bờ kinh từ Cầu Đường trở ra đến Cầu Kinh Phố Xếp, là địa phận làng Quới Đức. Chợ nơi đây cũng gọi là Chợ Kinh”.

Chỗ Nhà Thờ Cha Tam hiện nay, xưa là “Chợ Lò Rèn”, đây là xóm của Thợ rèn và Thợ kéo chỉ sắt. Vì họ là thợ chuyên môn giỏi giắt nên thời ấy đã gọi họ là quân Mậu Tài. Chợ Lò Rèn ở bên kia đầu Cầu Phố. Ngày nay vẫn còn vài tiệm chuyên nghề kéo chỉ sắt và cán kim ngân ra lá, trước cửa tiệm có trưng bày một hay vài cái máy cán, quen gọi là “bàn cán” (laminoir).

Lối Đồn Cây Mai có một cái cầu gọi “Cầu Ông Tiều”. Theo tôi, “Tiều” đây là “Triều Châu” dọc trại đi, vì xóm có nhiều người làm rẫy dân Tiều, chớ không có người tiều phu nào.

Theo ông Trịnh Hoài Đức, Chùa Cây Mai, tên chữ là Thấu Lân Tự, nguyên xây cất trên một nền chùa cổ Cao Miên xung quanh có đào ao rộng và sâu, hồi xưa mỗi năm

(1) Ghe ngo là “túk nguá” của người Miên dùng để thi đua các làng có chùa Miên.

tại đây có tổ chức lễ đua ghe ngo (1) tức là lễ “đua” nước khi cuối mùa làm lúa và “lễ rước nước” đầu mùa làm ruộng. Dưới đời vua Minh Mạng, chùa được tu bổ lại, tương truyền hai ông Nguyễn Tri Phương và Phan Thanh Giản có lập tại đây một thủy tạ trên có gác cao. Bấy lâu nghe đồn tại chùa có một gốc mai già bông trắng, từng trái mấy phen biến cố, và đã làm đầu đề bài thi bất hủ như sau:

Vịnh Mai Sơn Tự (Chùa Cây Mai) Phú Lâm

Đau đớn cho Mai cách dưới đèo.

Mười phần trong sạch phận cheo leo.

Sương in tuyết đóng cành thưa thớt.

Xuân đến thu về, sãi quanh hieu.

Lặng lẽ chuông quen con bóng xế.

Tò le kèn lạ mặt trời chiều.

Những tay rượu thánh thi thần cũ.

Trông cảnh bao nhiêu tiếc bấy nhiêu.

(Tôn Thọ Tường, bản *Khuông Việt*, t.88) (1)

- (1) Cũng bài thi *Vịnh Cây Mai* của Tôn Thọ Tường, tôi thấy còn hai bốn khác nữa, tiện đây xin chép ra nhân lãm. Xin hỏi tại sao một bài văn của Pháp, Trung Hoa, như thơ của Victor Huro, của Lý Thái Bạch thì Pháp, Trung Hoa, Nhật Bản, Đài Loan, Mỹ, đều y như nhau một bản, không sai một chữ, còn đến phiên thơ trong Nam (*Lục Vân Tiên*, thi của Tôn Thọ Tường, Phan Văn Trị) hoặc ngoài Bắc (*Kim Vân Kiều*, thi các ông Nguyễn Khuyến, Cao Bá Quát) thì đều tam sao thất bổn, mỗi ông sao chép đều sửa đổi khác nhau rất nhiều, và chừng nào mới nói chuyện thống nhất các bản văn xưa lại cho học sanh, sĩ tử nhờ?

Một bài đề *Đăng Mai Sơn cảm tác* (số 61)

Lắc lẻo thương mai phận dưới đèo,

Trăm phần trong sạch phận cheo leo,

Hoa in tuyết đóng nhành thưa thớt,

Gió thổi hương tàn sãi quanh hieu, (sic!)

Đầu xuân năm Canh Tý (1960), Thi sĩ Đông Hồ đã đến thưởng bạch mai tận gốc, bận về viết bài “Tìm dấu bạch mai” đăng trong *Bách Khoa*, số 76, ngày 1-3-1960, (trương 23-32).

Kế đó ông bạn Thái Văn Kiểm, có đưa tôi đến ngắm Cây mai “cổ tích” và viết tiếp bài ông Đông Hồ “Tìm dấu bạch mai” cũng trong *Bách Khoa*, số 78, ngày 1-4-1960, (trương 51-58).

Như vậy cũng đã cạn tàu ráo máng.

Sách *Gia Định thông chí* chép rằng năm 1816, sư tăng tu bổ chùa, nhơn đào đất, có gặp dưới nền chùa, nhiều thức gạch cũ và ngói cũ kiểu cổ Cao Miên, nhưng tiếc thay, thời ấy chưa biết giá trị những vật ấy nên không

Lặng lặng chuông rung cơn bóng xế,

Tò le kèn thổi mặt trời chiều.

Những tay rượu thánh thì thân cũ

Nhìn cảnh bao nhiêu cảm bấy nhiêu.

(Sao y nguyên văn trong xấp “Cổ Thi” trương 42, tập *Việt âm văn uyển* của Lê Sum, bản nhà in J. Việt, năm 1919).

Còn đây là bản của Đông Hồ tiền sinh sao lục, đăng trong *Bách Khoa*, số 76, ngày 1-3-1960:

Cảm cảnh Cây Mai cách dưới đèo, (thay vì: đau đớn cho mai)

Mười phần trong sạch phận cheo leo.

Sương in tuyết đóng cảnh thưa thớt,

Xuân tới thu về nỗi quạnh hiu (- đến sãi -)

Lặng lẽ chuông quen cơn bóng xế,

Tò le kèn lạ mặt trời chiều.

Nhưng tay rượu thánh thơ thân cũ,

Trông cảnh bao nhiêu tiếc bấy nhiêu.

Dám xin hỏi nội quán tử nhứt là Đông Hồ lão huynh dạy cho tôi biết còn bản nào khác nữa chăng, và bản nào đúng chính nguyên văn của Tôn Thọ Tường?

để dành lại làm tài liệu khảo cổ.

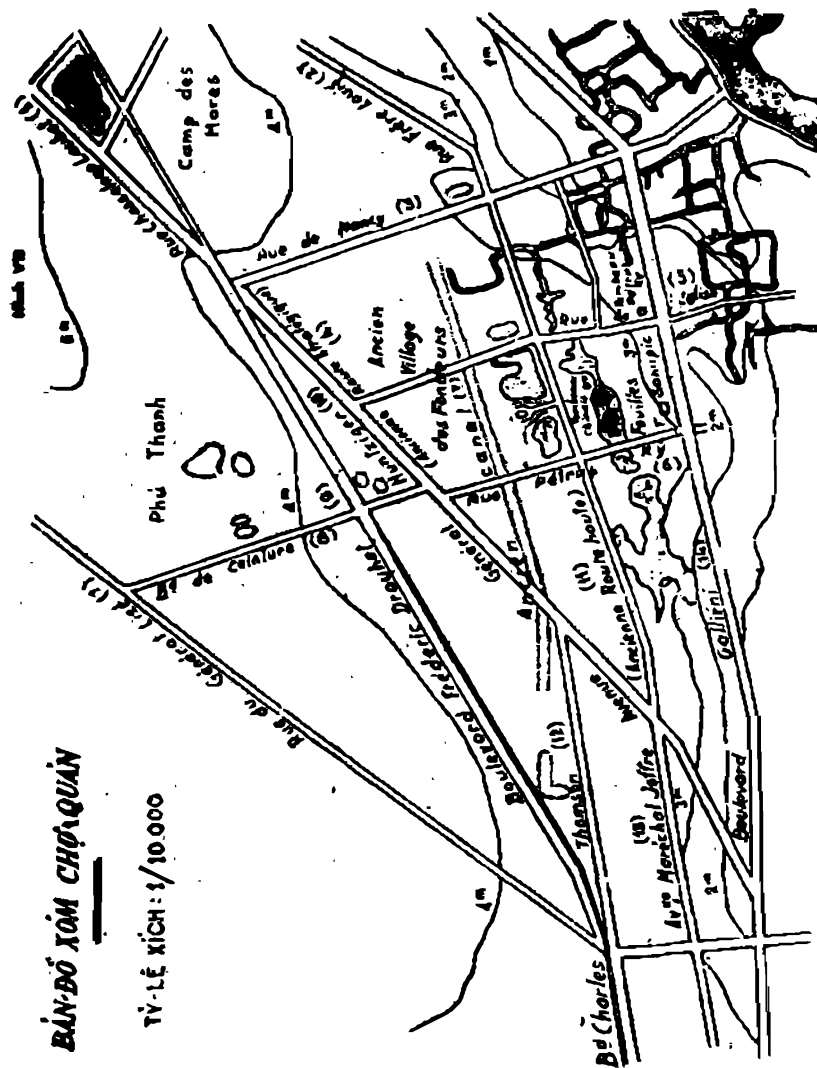
Gần Chùa Cây Mai (chữ gọi Mai Sơn Tự, khi gọi Thửu Lân Tự) còn một ngôi chùa khác gọi Phụng Sơn Tự, cũng thuộc lịch sử cận kim thời đại. Chùa này gọi tục danh là “Chùa Gò”, vì cất nên một gò nổi cao, chung quanh nước bao bọc, quả là di tích của một nền chùa cổ Cao Miên. Hỏi thăm, một ông đạo trong chùa nói xưa có đào được một đại đồng chung của người Miên; tôi lấy làm ngờ vì người Cao Miên tu đạo Phật không dùng chuông như ta. Có chăng thì sách ghi rằng tại một nền Chùa Gò có đào gặp một khúc tay Phật đá, kiểu Miên, nhưng cũng không biết để dành khảo cứu. Vùng Cây Mai và Chùa Gò đáng được các nhà khảo cổ chú ý nhiều nếu muốn sưu tầm gốc tích Prei Nokor.

Còn chỗ tòa Hành chánh Chợ Lớn, xưa thuộc huyện Tân Long. Ngoài vòng rào tòa Hành chánh có con đường trải đá chạy bọc theo hông Chùa Chà Và đạo Hồi, mấy năm trước còn mang tên “rue des Clochetons”. Đó là con đường xẻ chạy thẳng vô chùa Kiểng Phước, cổ tự. Năm 1860, binh ta lấy chùa Kiểng Phước làm ổ kháng chiến chống giặc Pháp. Năm 1866, chùa đã điêu tàn vì bị dỡ phá, chỉ còn chút phượng danh trong lịch sử kháng chiến mà thôi. Truy ra vị trí chùa này một phần lọt vào giữa con đường Maréchal Foch (Nay là đường Nguyễn Văn Thoại), còn một phần lớn lại ở về lô đất, bồng đồ mới số 20 và 23 ngang ngang lại với trường học con gái (bồng đồ 21) thường gọi là “Trường Bà Đầm”.

i) Trở về Chợ Quán

Tân Kiểng, Nhơn Giang (trước năm 1885 tên Nhơn Ngãi), Bình Yên là tên ba làng xưa, sau sáp nhập làm một là vùng Chợ Quán. Trước kia, nơi đây có làng Thợ Đúc, trong một bản đồ đánh theo tập nhỏ nầy gọi “ancien village des fondeurs” - dân trong làng chuyên nghề trau lư đồng có tiếng, nổi danh một thuở, không kém lư Chợ Gạo (Phú Lâm). Gọi là “Chợ Quán”, vì thuở trước chợ nhóm họp dưới gốc những cây me đại thọ lối nhà thương Chợ Quán hiện nay. Chung quanh chợ có nhiều quán xá lố cốc tụ một chỗ, nên đặt tên làm vậy.

Mấy mươi năm về trước, có một phú ông, sanh trưởng tại Chợ Quán di cư xuống miệt Sóc Trăng khai phá, làm ruộng lớn, lập nên sự nghiệp đồ sộ, về già tóm thâu của cải và tạo lập tại đường Trần Hưng Đạo một ngôi nhà hùng vĩ lấy tên là “Villa Nhơn Giang”, để nhắc lại tên xưa làng cũ. Tôi còn nhỏ, không biết, mỗi lần đi ngang đều cười thầm hai chữ “Nhơn Giang”. Sau nầy, chủ gia mãn phần, gặp năm kinh tế khủng hoảng, hội “Đức Trí Thể Dục” đấu giá mua lại rất rẻ, nhưng không biết vì sao lại lọt vào tay quân đội Nhật đến ở, rồi chuyển lần qua quân đội Pháp đến chiếm, mãi đến khi trở nên trụ sở cơ quan cố vấn quân sự Mỹ. Đến đây là dứt hay còn đổi chủ nữa? Phải chăng vì nhà choán chỗ nền cũ Chùa Miên, nên không ai cầm giữ được lâu bền? Hỏi thì ló mòi tin dị đoan, nhưng không hỏi không được! Ngôi nhà nầy tọa lạc trên một cuộc đất cao ráo, trong sách ông Trương Vĩnh Ký viết năm 1885 đã bày rõ về cổ tích của vùng đất này, sau Viện



Bảo tàng đến đào và tìm gặp nhiều tảng đá to kiểu Cao Miên, hiện đem về đặt ngoài hành lang Viện, xem lại hình như đó là tảng cửa, tảng cột phước Khmer và định chừng nếu có dịp đào đất chỗ này, may ra còn gặp cổ tích Prei Nokor nữa.

Ngang tòa nhà cũ “Đức Trí Thê Dục”, có một ngôi nhà lầu không kém vĩ đại và có liên quan đến cổ tích Cổ Sài Gòn. Nhà xây cất trên nền nhà xưa của học giả Trương Vĩnh Ký tiên sinh, ngoài cửa, chục năm về trước, còn thấy gắn một bảng đá biên rành rạnh sự tích này, nhưng nay không rõ vì sao đã dẹp, không treo nữa? Chủ nhà này (quý danh là H.M.Ph.) là một người đàn bà có chí lớn và có sự nghiệp ruộng đất mênh mông vùng Sóc Trăng, quê tôi. Hôm nay tôi tưởng niệm bà là người mua sắm đồ sứ cổ trước nhứt trong Nam và bà quả là người có ngọc nhơn, trong khoa chơi cổ ngoạn. Năm 1940, Nhựt đổ bộ vào đây, trước tiên đến chiếm cứ ngôi nhà này, đặt làm trụ sở và trục xuất bà. Nhựt bại binh, ngôi nhà này sang tay quân đội Pháp, mãi đến nay tang thương biến đổi, chủ gia đã lìa trần, ngôi nhà thay chủ, trở nên một ngôi xưởng dạy đóng giày và may quần phục... Bây giờ là trại Yên Thế. Cổ chủ đã mất. Không rõ những đồ xưa quý giá đời giầu lúc loạn ly nay còn gìn giữ nguyên vẹn hay chẳng? Nhắc đến bà, khiến tôi nhớ lại chuyện một buổi sáng năm 1939. Lúc ấy bà còn sôi lắm, tuổi tác trên tám mươi mà nhanh nhẹn như người cỡ lục tuần. Sáng hôm ấy, tôi đến gõ cửa nhờ báo tin có khách muốn xem đồ cổ ngoạn. Đến khi tôi trình diện, bà thấy tôi còn nhỏ tuổi, bà hơi ngại dạ, nhưng đã hứa lời, bà cùng chẳng đã ừ hử có chừng. Sẵn bà ngồi

rửa mặt, bà đưa tay chỉ sơ những món chung bày gần chỗ bà ngồi cho tôi xem, tức những món để nhà bếp! Tôi rảo một vòng, thấy nào chóc lớn, tô xua đủ cỡ, cái nào cũng khá, cũng coi được. Xem rồi, tôi định kiếu từ, nhưng nãy giờ tôi không dè bà để ý từng cử chỉ, từng lời bình phẩm. Độ chừng không chú ý tai bà lắm, nên bà sai trẻ mở rộng cửa nhà trên lúc nào tôi không hay biết, khi tôi cáo thoái bà không cho, mời tôi bước thẳng lên thưởng thức đồ sưu tập chánh thức. Đây mới quả là một bộ môn có giá trị, gồm đủ các loại: be, bầu, ngỗng, hũ, chóc, nai, nậm, nhạo, vò, chum, v.v... cái nào, cái nấy, toàn hảo xinh tốt thật cổ, thật quý, đáng gọi đồ sưu tập danh bất hư truyền. Tôi xem mãi không biết chán, day lại thấy mắt bà lóng lánh vui vui. Nhưng ngày giờ có hạn, tôi không dám lợi dụng lòng tốt của bà, nên xin kiếu một phen nữa. Phu nhơn không nghe, mời lên lầu xem nốt những đặc phẩm thuở nay ít cho mắt người lạ trông vào. Ban đầu, tôi cũng tưởng vị lòng phu nhơn lên xem lấy lệ, nhưng khi vào được “tháp ngà chứa toàn bảo vật” này, tôi mới hiểu tôi tốt phước bực nào! Làm sao tả được những cái khéo cái lạ chứa trên lầu của phu nhơn? Hạt hổ phách lớn bằng trái mù u chưa lột vỏ! Ngọc mã não tiện tròn làm hạt chuỗi Bồ đề, nhưng khoét bọng ruột có thể chứa thuốc độc (nghe đâu đó là chuỗi chánh trị gia đời Tự Đức thường theo hộ thân, phòng khi ngộ biến lấy đó hủy mình, khỏi lậu cơ mưu, và cũng không cho tặc nhơn xâm phạm quý thể). Còn đây là bộ chén trà bằng ngọc lưu ly, nếu rót nước vào thì vun chùn như miệng chén lên be thêm; còn kia là bầu thủy tinh trong suốt, lóng lánh chói như hạt sương gặp

nắng; nầy là đấu rượu bằng sừng tê giác (Nôm gọi u tây) chạm rõ khéo, tuyệt đẹp. Mà đẹp nhất, quý nhất có lẽ là hai tấm cửa bật để che gió: khuôn vành bằng trắc "hổ bì" vân mun vân vện rất lạ mắt; mặt khảm ngọc thạch nguyên miếng và cẩm thạch màu xanh lục "phỉ túy", một bên thì chạm "kỳ sơn dị thảo", một mặt khắc bài thi, toàn "thi ngự chế, ngự bút" vua Càn Long, nội mấy tấm ngọc nầy, giá thử lấy ra làm trang sức phẩm thì không biết là bao nhiêu tiền. Nơi giữa nhà, dựa theo hai cột cái, chùng hai lộc bình to tương, men lam chấm. "Sơn thủy"... cái nào cái nấy sức tôi ôm không giáp, và cao còn chút xiu nữa đựng trần nhà, cả hai không tì không vít, không khờn cũng không mẻ, mới đáng gọi của vua của chúa gì đây! Nhưng theo ý tôi, những món nầy tuy quý lạ, vẫn không làm cho tôi say mê bằng mấy bộ chén trà, và tô uống trà, có thơ Nôm hoặc hiệu đề đúng vào những năm đi sứ của sứ bộ Nguyễn triều, hoặc những bình tích "Mạnh Thân", "Thế Đức", thật cổ thật xinh, thuở nay tôi chưa từng thấy ở đâu có nhiều và có đẹp như tại nhà nầy. Xem không mãn nhãn, nhưng phu nhơn bốn thân hướng dẫn, sớm giờ đã quý lắm rồi, tôi kiếu từ, bà dặn với bảo tôi khi nào rảnh trở lại tiếp xúc với các công tử và giùm ráng giải nghĩa các câu nghe rằng mua sắm đồ cổ không phải là đem tiền vớt sông vớt biển! Lúc từ giã, tôi có cảm giác sống cảnh "Cao Thiên Tứ viếng nhà Lưu Dung" tả trong chuyện Tàu Càn Long hạ Giang Nam. Cao Thiên Tứ là tên giả của vua Càn Long, xưng tạm trong khi đi chơi miền Nam, viếng nhà Lưu Dung, thấy biển đề năm chữ "THIÊN HẠ ĐỆ NHỨT GIA", vua không bằng lòng nên tự tìm hiểu

trước khi phán đoán. Nhà năm ngăn bảy nắp có vòng tường bao bọc không khác cung điện nhà vua. Vào nhà trước gặp cháu nội Lưu Dung, còn học sanh, chưa biết gì. Vô nhà từng nhì gặp con trai họ Lưu, cũng ú ớ không trả lời được. Nhập vào từng thứ ba gặp em Lưu Dung, và từng thứ tư gặp cha của Lưu Dung, đều áp úng cắt nghĩa không gãy gọn năm chữ vàng nọ. Duy khi đến đại thính đường gặp một lão trượng đầu râu bạc phếu, dáng điệu thanh kỳ, đây chính là ông nội của thừa tướng Lưu Dung. Ông giải rằng ông được tám mươi một tuổi, ăn lễ bát tuần thượng thọ, anh em trong xóm thấy nhà ông năm đời khoa giáp nối tiếp không dứt, phú quý vinh hoa tốt phẩm, thêm trường thọ sum vầy, nên đi tặng ông tấm biển sơn son thếp vàng “THIÊN HẠ ĐỆ NHÚT GIA” ấy. Cao Thiên Tứ nghe rõ tự sự, gật đầu nhận thầm rằng năm chữ vàng rất xứng và không có chi là phạm thượng. Tôi đứng lại kể sự tích nầy cho phu nhơn nghe, không dám tự ví mình với Cao Thiên Tứ hoặc với ông hoàng đế phong lưu nhà Mãn Thanh, nhưng nhấn mạnh nơi chỗ nhà phu nhơn kể từ nhà bếp, nhà dưới, lầu trên, không khác mấy đời thế phiệt, câu “THIÊN HẠ ĐỆ NHÚT GIA” sánh với chỗ này không chi là ép gượng. Phu nhơn không trả lời, đứng trước thềm nhà tiền tôi, hai hột kim cương nơi trái tai rung rung lóng lánh. Dè đâu đó là buổi chót! Nay bảo ngọc, trên châu quý đến đâu, phu nhơn cũng chẳng màng bao, mấy hàng tường niệm thành kính này phu nhơn cũng không bao giờ đọc!

Trở lại câu chuyện làng Chợ Quán, từ đường Nhà Thương đi đến một cái ao lớn, chỗ này mới đúng là làng

Thợ Đúc năm xưa.

Gần ngôi nhà lâu Đức Trí Thế Dục, còn dấu tích một xóm cổ của người Miên, hiện nay trong xóm còn một gò đất cao hơn mặt đường cái, khách đi trên đường Trần Hưng Đạo dòm vào thấy cao ngùn ngụt: đây là nền chùa và xóm Thổ đời trước. Thỉnh thoảng dân cư còn đào gặp gạch cũ kiểu Cao Miên, và cách nay mấy chục năm Viện Bảo tàng có sưu tầm tại chỗ, nào Phật đá nhỏ, Phật đồng đủ cỡ, đồ từ khí lụn vụn, đặc biệt là một đèn đồng xưa hình hoa sen, trở tượng một nô bộc chân quỳ, hai tay bưng thiếp dầu; thêm có ba tảng đá lớn mòn lỳ, độ chừng đây là ngạch cửa chùa Thổ đời xưa. Các vật này hiện đem về lưu trữ tại Viện Bảo tàng để làm dấu tích “Cổ Sài Gòn”, một mớ thu xếp theo hành lang, một mớ để trong tủ kiếng Trung đường (xin xem ảnh).

Từ làng Nhơn Ngãi (sau đổi Nhơn Giang) tới giáp đường Cầu Kho, xưa kia nhà phố đông đúc lắm, mỗi nhà chung quanh đều có vườn tược cây trái sum sê. Gần đây có một xóm nguyên là của những người ăn xin ăn mày khi trước. Thuở Nguyễn Ánh tỵ nạn trong Nam, bọn này có công cứu giá. Theo khẩu truyền, bữa đó binh Tây Sơn truy nã ngặt lắm. Tướng vua khó thoát chết. May sao chạy đến đây, bọn ăn mày ra tay ứng hộ. Một mặt họ chỉ đường cho vua ẩn núp. Một mặt họ xúm lại kẻ đánh trống kẻ đập thùng... làm phở lớ thế nào, binh tướng Tây Sơn ngộ tưởng binh mã Chúa Nguyễn tụ tập nơi đây đông lắm, e quả bất địch chúng, nên họ rút lui, Nguyễn Ánh thoát nạn. Về sau nhớ ơn xưa, Gia Long cho phép lập xóm này ban cho ba chữ: “Tân Lộc Phường”. Chỗ này, truy ra

trước kia là ruộng lúa của người Miên trồng trọt, đủ biết hồi đời đó, *dân thua đất rộng* đến bực nào.

Qua tay Nam trào, dân ta bồi ruộng thành đất nền và đào một con kinh để lấy đất lấp nền, dân trong xóm làm một cây cầu lấy tên là “Cầu Gạo”, vì trong xóm chuyên bán gạo. Cách đó không xa có một xóm bán lá lợp nhà, tục danh “Xóm Lá Buông”. Xóm Lá Buông ăn thông qua đường Boresse cũ, giáp lại với Xóm Cầu Quan đã có nói rồi.

Xóm Lá Buông nay biết được vị trí của nó nhờ trong sách có ghi rằng nơi đây có một khúc đường danh gọi “Đường Nước Nhỉ”. Đường này xét ra ở giữa đường đi Chợ Lớn đầu này trở ra Bến Thành, mé ngoài là Chợ Kim Chung (Kim Chương), mé trong là “Xóm Cây Da Thằng Mọi”. Tài liệu này tôi gặp trong chú thích ghi dưới bài “Gia Định vịnh” bản in Trương Vĩnh Ký 1882.

Theo một chỗ khác trong diễn văn đọc tại trường Hậu Bử năm 1885, *Souvenirs historiques*, chính cụ Trương Vĩnh Ký, cắt nghĩ thêm rằng: “Đường Nước Nhỉ” có cái tên làm vậy vì thường thường đường này bị ngập lụt, từ mùa ẩm ướt. (Nếu ai còn giữ bức địa đồ xưa nào, xin tìm hộ con đường Nước Nhỉ, theo cụ Vĩnh Ký, thì ở lối khoảng đất đi chưa tới Sở Nuôi Ngựa của nhà binh (Harsa) và Đồng Tập Trận (Plaine des tombeaux), từ vườn Bà Lớn (Phan Thanh Giản) ngó qua Trường Dưa cũ, cánh Đồng Tập Trận ăn thông đến Xóm Lách, trên đường Yên Đỗ, chạy ra sau nhà cũ Blancsubé. Sở dĩ tôi nêu rõ đây nhà Blancsulé, vì nhà này thường được nhắc đi nhắc lại trong bài khảo cứu của cụ Trương Vĩnh Ký. Nay định chừng thì

nhà Blancsubé vốn ở lối đường Lê Văn Duyệt (Verdun cũ) giữa chặng thành Ô Ma (Trụ sở Công an và Cảnh sát) chạy lên Chợ Đũi. Con đường Nước Nhỉ phải chăng nay là con đường Cống Quỳnh ăn qua đường Phạm Ngũ Lão? Đường Cống Quỳnh trước kia là con đường Blancsubé sau đổi làm rue d'Arras.

Để nhắc lại đây một danh từ “là lạ” xưa thường dùng mà không nghe nay nói nữa, danh từ này thoát nghe như có tánh cách tục tĩu đó là hai tiếng “Cầu Khắc”. Theo cụ Trương Vĩnh Ký xưa có đến hai cái cầu trùng tên như vậy: ấy là *Cầu Bà Châu* (Phải chăng bà Lê Châu thờ làm tổ của những người thợ bạc thợ vàng Chợ Lớn?) và một cầu nữa là “Cầu Khắc” ngoài chợ Cầu Kho đi lên đường Nước Nhỉ nói trên.

Trong “Gia Định Vịnh” có câu:

Trên cây Da Còm, nỡ để ông già gùi đội;

Dưới đường Cầu Khắc, chi cho con trẻ lạc loài

Hai câu này dạy ta hai việc:

- Một là người xưa tánh tình chất phác thấy sao nói vậy, không hiểu nghĩa đôi ba, ý thanh ý tục, không kị cỡ tiếng trùng âm như bây giờ.

- Hai là bởi quá say mê văn biên ngẫu, mỗi câu đều muốn đối chọi, chơi chữ, thành thử tối nghĩa. Đại ý như hai câu trên là:

Câu nhứt nhắc “Cây Da Còm” nảy ý nhớ đến cảnh “Ông già” gùi đội trong đèn dầu Thằng Mọi chum quỳ, hoặc văn vật, nhớ câu “*Lão giả bất phụ đài ư đạo lộ*” (lời

Thầy Mạnh), ý muốn nói hễ nước nhà thanh trị thì “ông già không gùi đội”... (Gùi đội là mang đội).

Câu nhì nói “Cầu Khắc” thì tứ, trẻ con có thể lạc đường... (Cầu này, theo tôi, không có cũng được).

j) Gấn Dinh Độc Lập

Tòa án hiện nay và trường Pháp Chasseloup cũ, đều ở ngoài thành lũy. Dinh Tả quân (1) phu nhơn ở vòng rào dinh Tổng thống ngày nay.

Xa một độ thì có “Nhà Hoa”, tức là chốn dành cho Tả quân đến thưởng hoa giải muộn. Nhà hát bội, trường bắn ná cũng của Tả quân, nên xā tắc đều ở vùng này. Xóm Lụa (dệt và bán lụa) cũng ở gần đây. Còn con đường Hồng Thập Tự chạy đến Sở Nuôi Ngựa cũ thì có “Xóm Thuần”, “Xóm Chậu”, “Xóm Củ Cải”.

“Chợ Cây Vông” thì ở lối nghĩa địa đô thành ngày nay ăn giáp tới Cầu Bông. Theo ông Trần Văn Học là ông quan đàng cự đời Gia Long có công vẽ ra bản đồ thành Sài Gòn thời ấy (1815) thì Cầu Bông, trước kia gọi là “Cầu Cao Mên” (2) sau đổi làm “Cầu Hoa” (3), rồi vì húy tên một bà phi tần của đức Minh Mạng nên gọi “Cầu Bông” cho

(1) Trong vài sách Pháp, “Tả quân” họ viết là “le Ta kun”.

(2) Theo “Monographie de la province de Gia Định”, thì năm 1833, lúc đánh với giặc Khôi, ông Trương Minh Giảng ra lệnh đốt cầu Cao Miên.

(3) Gọi làm vậy vì đây là “hoa viên Lê Tả quân”.

đến ngày nay.

Còn trên đường Trưng Vương, có một cái cầu gọi là “Cầu Xóm Kiệu” sau gọi tắt “Cầu Kiệu”, nay còn giữ tên y như trước.

Qua khỏi “Cầu Kiệu” thì tới chợ Phú Nhuận, tục danh xưa là “Chợ Xã Tài”, (mà ở đường Công Lý nay đã cải táng). Làng Phú Nhuận, theo cụ Trương Vĩnh Ký, xưa sung túc lắm, trong làng đếm đến bảy mươi hai kiếng chùa, nay đâu còn?

k) Qua bên Thị Nghè

Thì gặp hai cầu: “Cầu Sơn” ở vùng đình Cầu Sơn, và Cầu Lầu.

Cũng tại Thị Nghè, trước nhà thương Dương lão, có một khoảng ruộng công điền, xưa gọi là “Tịch Điền”, mỗi năm Lê Tả quân đều có đến khai “lễ hạ canh” làm gương cho nông phu bắt đầu mùa năm mới. Kế bên sở “Tịch điền” có cái nền “Thần Nông”, nay nhà cửa dân cư đã xâm nhập mất dấu.

Theo cụ Trương Vĩnh Ký, lối năm 1885, gần rạch Thị Nghè đổ ra sông Sài Gòn, có một miếu lớn thờ Đức Thánh Khổng Phu Tử, nay cũng không truy đúng ra ở nơi nào. (Trong phần chú thích *Gia Định vịnh* có ghi Văn Thánh Miếu, xưa ở đường Cầu Thị Nghè qua Cầu Sơn, Cầu Lầu, khúc vòng nông, thân trên Rạch Bà Nghè). Theo nguyên văn câu này đổ ai biết Miếu Văn Thánh nay ở vào đâu?

1) Trên đường Cao Thắng

Gần Tam Tông Miếu, mấy năm về trước còn thấy một ngôi mộ xây ô dước to lớn, vì chồm ra lộ cái quá nhiều tên bị cải táng. Hỏi ra đó là mả Huỳnh Công Lý. Công Lý là quan to có con gái hầu đức Minh Mạng, được vua sủng ái nên hay cây thế ỷ thần. Theo cụ Trương Vĩnh Ký chép lại, Lê Tả quân mắc ra châu vua ngoài Huế, Công Lý ở lại Sài Gòn, có làm nhiều điều ngang dọc và dường như có xúc phạm một cô hầu của Tả quân. Khi về Quan Lớn Thượng hay được cả giận bèn tâu tự sự lên Minh Mạng. Ông vua này có ý binh vực cha vợ, nên hạ chỉ giải Công Lý ra Kinh đặng để bề tha tội. Tả quân biết trước, sẵn có trong tay Thượng Phương Kiếm được quyền “tiền trăm hậu tấu”, bèn chém đầu Huỳnh Công Lý (1), sai quân đóng thùng ướp muối, gửi thủ cấp về Kinh, trên nắp thùng viết mấy chữ: *Phụng Thừa Thánh Chỉ, xử trăm tội nhơn*. Minh Mạng thấy sự đã rồi, trong lòng căm giận nhưng không làm gì được Lê Công. Sau Bó chánh Bạch Xuân Nguyên đem chuyện này ra kết tội khi quân cho Lê Công và vu thêm nhiều tội lớn nữa. Vì vậy mới có giặc Phó Vệ úy Khôi làm phản, giết Bạch Xuân Nguyên, chiếm cứ thành Sài Gòn cố thủ được ba năm. Năm 1834, Khôi đầu

(1) Huỳnh Công Lý, sanh tiền cây thế “quốc trượng” làm nhiều điều ngang ngược, chết bị xử trảm. Còn lại nắm mồ, công vua xây, tường đầu êm ấm, ngờ đâu mấy chục năm trước, chính mắt tôi thấy người trong xóm lên án bằng cách phóng uế, xú khí bốc lên đêm ngày, kịp khi mở đường Cao Thắng, lười cuốc vô tình quật nắm xương lên, dờn qua quách nhỏ vùi một nơi nào nay không biết được, thảm làm sao!

Chẳng qua tại lòng trời, tự mình muốn khói hương tồn tại như ai nào được.

bình rồi chết, bình định xong giặc Khôi, Minh Mạng sai phá bỏ thành Sài Gòn, và năm 1836 xây lại cái thành khác nhỏ hơn bằng vật liệu sẵn, như đã nói rồi đoạn trước.

Thuở ấy trong dân gian có câu hát:

Bao giờ bắt được giặc Khôi.

Cho yên việc nước chồng tôi dựng về.

Khôi có hai phó tướng giúp sức, là ông Hoàn (tú tài) và ông Trám. Hai người ăn ở ngang tàng, ai ai cũng sợ họ. Ngày nay, mỗi khi gặp người quá ngang ngạnh, bực tức quá thì người dân Sài Gòn Bà Chiểu thường nói:

- Cha! Bộ nó là ông Hoàn tái thế sao mà?

- Mấy cha đó, đâu cũng là ông Hoàn ông Trám chi đây!